HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
Số: 14/NQ-HĐND	*Long Thành, ngày 19 tháng 7 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT
Về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (đợt 3) trên địa bàn huyện Long Thành

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH
KHÓA XII - KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Trên cơ sở Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (đợt 2) trên địa bàn huyện Long Thành;

Xét Tờ trình số 126/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (đợt 3) trên địa bàn huyện; nội dung báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện; ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thống nhất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (đợt 3) trên địa bàn huyện Long Thành, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 2)	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 3)	Chênh lệch tăng, giảm sau điều chỉnh
1	2	3	4	5=4-3
Tổng số vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (I+II)		**8.620.660**	**9.120.660**	**500.000**
I	**Tổng vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương**	**2.615.178**	**3.160.870**	**545.692**
1	**Nguồn ngân sách tập trung**	**590.799**	**590.799**	**-**
2	**Nguồn xổ số kiến thiết**	**248.600**	**248.600**	**-**
3	**Dự kiến nguồn thu tiền sử dụng đất huyện (a+b+c)**	**1.695.381**	**1.741.073**	**45.692**
a	Nguồn thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2021-2025	1.158.887	1.243.123	84.236
b	Các dự án giai đoạn 2021-2025 bố trí vốn khởi công mới khi thực hiện đầy đủ các thủ tục đầu tư theo quy định.	200.942	310.823	109.881
c	Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, bồi thường giải phóng mặt bằng cho các dự án dự kiến thực hiện thực hiện từ nguồn vốn khai thác đất lợi thế và nguồn đấu giá quyền sử dụng đất.	335.552	187.127	-148.425
4	**Nguồn kết dư tiền sử dụng đất**	**-**	**500.000**	**500.000**
5	**Nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh**	**80.398**	**80.398**	**-**
II	**Nguồn khai thác đất lợi thế và đấu giá quyền sử dụng đất**	**6.005.482**	**5.959.790**	**-45.692**

(Đính kèm biểu tổng hợp chi tiết)

Điều 2: Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Long Thành, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Long Thành khóa XII nhiệm kỳ 2021 - 2026, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 7 năm 2023./.

Nơi nhận:
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- VP.ĐĐBQH&HĐND; VP. UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TT.HU, TT.HĐND, UBND huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện;
- UB.MTTQ huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Minh Dũng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 (ĐỢT 3)
(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2023)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Dự án nhóm (A, B, C)	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025							Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 2)	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 3)	Chênh lệch tăng, giảm sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
							Trong đó									
										Nguồn đất						
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách tập trung	Nguồn xổ số kiến thiết	Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho huyện (dự án mới)	Dự kiến nguồn thu tiền sử dụng đất huyện	Dự kiến nguồn khai thác đất lợi thế và đấu giá quyền sử dụng đất	Kết dư nguồn thu tiền sử dụng đất				
1	2	3	4	5	6	7=8+9+10+11+12+13	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TỔNG SỐ (A+B)				**42.211.504**	**9.120.660**	**590.799**	**248.600**	**80.398**	**1.741.073**	**5.959.790**	**500.000**	**8.620.660**	**9.120.660**	**500.000**	
A	**TỔNG NS HUYỆN GIAO CHỈ TIÊU (A.1+A.2+A.3+A.4)**				**23.635.045**	**9.120.660**	**590.799**	**248.600**	**80.398**	**1.741.073**	**5.959.790**	**500.000**	**8.620.660**	**9.120.660**	**500.000**	
A.1	**NGUỒN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG**				**1.456.932**	**590.799**	**590.799**		**-**	**-**	**-**		**590.799**	**590.799**	**-**	
I	**Các dự án chuyển tiếp từ 2020 sang 2021**				**722.927**	**146.324**	**146.324**	**-**	**-**	**-**	**-**		**135.870**	**146.324**	**10.454**	
	Công trình Trụ sở - Văn hóa				**121.248**	**59.312**	**59.312**	**-**	**-**	**-**	**-**		**48.858**	**59.312**	**10.454**	
1	Kho lưu trữ UBND huyện Long Thành	C	Thị trấn LT	3426 30/10/2019	27.231	5.892	5.892						5.892	5.892	-	Ban QLDA
2	Trụ sở UBND xã Phước Bình	C	xã Phước Bình	6449 20/6/2023	44.364	44.364	44.364						33.910	44.364	10.454	Ban QLDA
3	Trụ sở UBND xã An Phước	C	xã An Phước	3782 30/9/2019	49.653	9.056	9.056						9.056	9.056	-	Ban QLDA
	Công trình giao thông				**601.679**	**87.012**	**87.012**	**-**	**-**	**-**	**-**		**87.012**	**87.012**	**-**	
1	Nâng cấp Hạ tầng khu trung tâm hành chính huyện Long Thành (Bố trí CP BTGPMB, CP tư vấn và chi phí khác)	B	Thị trấn LT	992 16/4/2007	314.732	65.304	65.304						65.304	65.304	-	Ban QLDA
2	Nâng cấp đường liên xã An Phước - Tam An	C	xã An Phước và xã Tam An	3813 31/10/2019	22.000	5.450	5.450						5.450	5.450	-	Ban QLDA
3	Đường Nguyễn Văn Cừ, thị trấn Long Thành.	B	Thị trấn Long Thành	3811 31/10/2019	244.000	6.678	6.678						6.678	6.678	-	Ban QLDA
4	Đường vào cụm công nghiệp Long Phước 1	C	xã Long Phước	3812 31/10/2020	20.947	9.580	9.580						9.580	9.580	-	Ban QLDA
II	**Các dự án khởi công mới 2021-2025**				**734.005**	**444.475**	**444.475**		**-**	**-**	**-**		**454.929**	**444.475**	**(10.454)**	
	Công trình hạ tầng, giao thông				**273.567**	**119.896**	**119.896**	**-**	**-**	**-**	**-**		**101.696**	**119.896**	**18.200**	
	Khu tái định cư khu Phước Thuận thị trấn Long Thành	C	TT. Long Thành		-	-	-						-	-	-	Ban QLDA
1	Công viên Phước Hải, thị trấn Long Thành	C	TT. Long Thành	5301 12/5/2023	5.471	5.197	5.197						7.026	5.197	(1.829)	UBND thị trấn LT
2	Đường Chu Văn An ra Phạm Văn Đồng và đoạn từ TTVH.TT huyện ra hẻm 224 xã An Phước.	C	TT. Long Thành		85.000	1.000	1.000						52.244	1.000	(51.244)	Ban QLDA
3	Đường Nguyễn Hữu Cảnh (Đoạn từ Võ Thị Sáu đến Vũ Hồng Phô) thị trấn Long Thành.	B	TT. Long Thành		105.558	36.796	36.796						36.796	36.796	-	Ban QLDA
4	Nâng cấp đường liên ấp 1 - 3 xã Phước Bình	C	xã Phước Bình		40.586	40.586	40.586						-	40.586	40.586	Ban QLDA
5	Đường vào khu Logistics xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp	4299 27/4/2023	28.583	28.583	28.583						-	28.583	28.583	Ban QLDA
6	Hệ thống chiếu sáng (đoạn cuối đường Tân Hiệp) xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp	2907 07/4/2023	5.413	4.920	4.920						5.630	4.920	(710)	Phòng QLĐT
7	Hẻm 2396 Quốc lộ 51, xã Long Phước	C	Long Phước	5300 12/5/2023	2.956	2.814	2.814						-	2.814	2.814	UBND xã Long Phước
	Công trình Văn hóa - Trụ sở				**16.462**	**14.220**	**14.220**	**-**	**-**	**-**	**-**		**25.481**	**14.220**	**(11.261)**	**(11.261)**
1	Sửa chữa Trụ sở Huyện ủy Long Thành	C	TT. Long Thành	6500 26/6/2023	9.444	8.994	8.994						3.792	8.994	5.202	Ban QLDA

TT	Danh mục dự án	Dự án nhóm (A, B, C)	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025							Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 2)	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 3)	Chênh lệch tăng, giảm sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
							Trong đó									
										Nguồn đất						
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách tập trung	Nguồn xổ số kiến thiết	Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho huyện (dự án mới)	Dự kiến nguồn thu tiền sử dụng đất huyện	Dự kiến nguồn khai thác đất lợi thế và đấu giá quyền sử dụng đất	Kết dư nguồn thu tiền sử dụng đất				
2	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc Trung tâm Dịch vụ công ích huyện Long Thành	C	xã An Phước	2398 20/3/2023	1.661	1.522	1.522						1.595	1.522	(73)	Trung tâm DVCI
3	Cải tạo sửa chữa Ban bảo vệ sức khỏe	C	TT. Long Thành		1.500	-							-	-	-	
4	Nhà Văn hóa ấp 3 xã Bàu Cạn	C	xã Bàu Cạn		-	-	-						2.491	-	(2.491)	UBND xã Bàu Cạn
4	Xây dựng nhà văn hoá ấp 3 xã Tam An	C	xã Tam An		-	-	-						2.302	-	(2.302)	UBND xã Tam An
5	Trụ Sở Công An xã Lộc An	C	xã Lộc An		-	-	-						6.500	-	(6.500)	Ban QLDA
6	Cải tạo, Sửa chữa các nhà VH ấp 1, ấp 2, ấp 3, ấp 7 xã Phước Bình		xã Phước Bình	7834 19/7/2021	993	993	993						993	993	-	UBND xã Phước Bình
7	Sửa chữa các nhà văn hoá ấp Bưng Cơ, ấp Thanh bình, ấp Hàng Gòn, ấp Bình Lâm xã Lộc An	C	Xã Lộc An	9695 18/11/2022	1.047	937	937						937	937	-	UBND xã Lộc An
8	Sửa chữa các nhà VH ấp trên địa bàn xã Bình An	C	xã Bình An		-	-	-						2.000	-	(2.000)	UBND xã Bình An
9	Sửa chữa nhà VH ấp 1, ấp Cẩm Đường, ấp Suối Quýt, xã Cẩm Đường.	C	xã Cẩm Đường	8508 27/8/2021	950	950	950						950	950	-	UBND xã Cẩm Đường
10	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hoá Khu trên địa bàn Thị trấn Long Thành	C	TT. Long Thành	2120 07/3/2023	867	824	824						1.421	824	(597)	UBND Thị trấn Long Thành
11	Nâng cấp, sửa chữa các nhà Văn hoá ấp xã Long An	C	xã Long An		-	-	-						2.500	-	(2.500)	UBND xã Long An
	Công trình giáo dục			-	**443.976**	**310.359**	**310.359**	-	-	-	-		**327.752**	**310.359**	**(17.393)**	
1	Trường Mẫu giáo An Phước	C	xã An Phước	9889 29/11/2022	44.889	44.889	44.889						26.210	44.889	18.679	Ban QLDA
2	Trường Tiểu học Bình An (điểm Sa Cá)	C	xã Bình An	2778 29/3/2023	11.072	11.072	11.072	-					-	11.072	11.072	Ban QLDA
3	Trường THCS Long Phước 2	B	xã Long Phước		78.000	500	500						74.500	500	(74.000)	Ban QLDA
4	Trường Tiểu học Tập Phước, xã Long Phước	C	xã Long Phước		28.000	500	500						28.000	500	(27.500)	Ban QLDA
5	Trường Tiểu học Thái Thiện	B	xã Phước Thái	4001 24/4/2023	95.706	95.706	95.706						48.860	95.706	46.846	Ban QLDA
6	Trường Tiểu học Phước Thái	C	xã Phước Thái		13.500	500	500						13.500	500	(13.000)	Ban QLDA
7	Trường Tiểu học Tam Thiện	B	xã Phước Thái	6475 21/6/2023	85.756	73.139	73.139						52.629	73.139	20.510	Ban QLDA
8	Trường THCS Long Đức (GĐ2)	C	xã Long Đức	7947 04/12/2020	37.727	37.727	37.727						37.727	37.727	-	Ban QLDA
9	Trường Mầm non Long Đức (GĐ3)	C	xã Long Đức	8394 19/8/2021	14.803	14.803	14.803						14.803	14.803	-	Ban QLDA
10	Trường Mầm non Bình An (ấp Sa Cá) (Xây dựng 03 phòng học+bếp ăn)	C	xã Bình An	8558 31/8/2021	9.323	9.323	9.323						9.323	9.323	-	Ban QLDA
11	Trường Trung học cơ sở An Phước (mở rộng)	C	xã An Phước	5762 01/6/2023	25.200	22.200	22.200						22.200	22.200	-	Ban QLDA
A.2	**NGUỒN XỔ SỐ KIẾN THIẾT huyện giao chỉ tiêu**				**513.296**	**248.600**	-	**248.600**	-	-	-		**248.600**	**248.600**	-	
	Công trình chuyển tiếp				**136.742**	**43.944**	-	**43.944**	-	-	-		**43.944**	**43.944**	-	
	Công trình giáo dục			**607.800**	**136.742**	**43.944**	-	**43.944**	-	-	-		**43.944**	**43.944**	-	
1	Trường THCS Phước Thái	B	xã Phước Thái	3806 30/10/2019	78.000	28.799		28.799					28.799	28.799	-	Ban QLDA
2	Trường TH Tam An (GĐ2)	C	xã Tam An	3180 20/10/2019	29.049	11.660		11.660					11.660	11.660	-	Ban QLDA
3	Trường THCS Tam An (gđ2) (XD khối hiệu bộ, khối đa năng, các công trình phụ trợ)	C	xã Tam An	3120 16/9/2019	29.693	3.485		3.485					3.485	3.485	-	Ban QLDA
															-	

TT	Danh mục dự án	Dự án nhóm (A, B, C)	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025							Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 2)	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 3)	Chênh lệch tăng, giảm sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
							Trong đó									
										Nguồn đất						
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách tập trung	Nguồn xổ số kiến thiết	Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho huyện (dự án mới)	Dự kiến nguồn thu tiền sử dụng đất huyện	Dự kiến nguồn khai thác đất lợi thế và đấu giá quyền sử dụng đất	Kết dư nguồn thu tiền sử dụng đất				
	Công trình khởi công mới				**376.554**	**204.656**	-	**204.656**	-	-	-	-	**204.656**	**204.656**	-	-
1	Trường Tiểu học Bình An (điểm Sa Cá)	C	xã Bình An	2778 29/3/2023	-	-		-					8.000	-	(8.000)	Ban QLDA
2	Trường Tiểu học Tân Hiệp (gđ3)	C	xã Tân Hiệp	2629 02/03/2021	31.613	23.193		23.193					23.193	23.193	-	Ban QLDA
	Công trình thực hiện sau năm 2021															
1	Trường Mẫu giáo Cẩm Đường (mở rộng)	B	xã Cẩm Đường	5763 01/6/2023	67.477	40.826		40.826					22.543	40.826	18.283	Ban QLDA
2	Trường Tiểu học Tam Thiện	B	xã Phước Thái	6475 21/6/2023	85.756	12.617	-	12.617					-	12.617	12.617	Ban QLDA
3	Trường TH Long Thành B	B	Thị trấn Long Thành		-	-		-					21.000	-	(21.000)	Ban QLDA
4	Trường Mầm non Cầu Xéo, Thị trấn Long Thành	C	Thị trấn Long Thành		30.000	100		100					9.742	100	(9.642)	Ban QLDA
5	Trường Mầm non Phước Thái (Xây mới)	B	xã Phước Thái		33.888	100		100					33.888	100	(33.788)	Ban QLDA
6	Trường Trung học cơ sở Tân Thành, xã Bàu Cạn	B	xã Bàu Cạn	6455 21/6/2023	119.820	119.820		119.820					35.000	119.820	84.820	Ban QLDA
7	Trường Mầm non Tân Thành, xã Bàu Cạn	B	xã Bàu Cạn		-	-		-					22.290	-	(22.290)	Ban QLDA
8	Trường Mầm non Thái Hiệp Thành	C	xã Bàu Cạn	5764 01/6/2023	-	-		-					29.000	-	(29.000)	Ban QLDA
9	Sửa chữa các trường học trên địa bàn huyện Long Thành năm 2023	C	huyện LT		8.000	8.000		8.000					-	8.000	8.000	Phòng Giáo dục - Đào tạo
A.3	**DỰ KIẾN NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HUYỆN, KHAI THÁC ĐẤT LỢI THẾ VÀ ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**				**21.243.598**	**8.200.863**	-	-	-	**1.741.073**	**5.959.790**	**500.000**	**7.700.863**	**8.200.863**	**500.000**	
A3.1	**Dự kiến nguồn thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2021-2025**				**1.848.004**	**1.243.123**	-	-	-	**1.243.123**	-		**1.158.887**	**1.243.123**	**84.236**	
a	**Công trình chuyển tiếp**				**671.192**	**551.023**	-	-	-	**551.023**	-		**541.661**	**551.023**	**9.362**	
a1	**Công trình giáo dục**			-	**206.250**	**106.496**	-		-	**106.496**	-		**106.496**	**106.496**	-	
1	Trường MN Phước Bình	B	Xã Phước Bình	3351 30/9/2019	58.984	34.698				34.698			34.698	34.698	-	Ban QLDA
2	Trường TH Phước Bình	B	Xã Phước Bình	3350 30/9/2019	71.161	38.727				38.727			38.727	38.727	-	Ban QLDA
3	Trường MN Tam An (06 phòng học, bếp ăn, hiệu bộ, sân đường tường rào)	C	xã Tam An	3776 30/10/2019	30.041	13.135				13.135			13.135	13.135	-	Ban QLDA
4	Trường THCS Bình Sơn	B	Xã Bình Sơn	3909 31/10/2019	46.064	19.936				19.936			19.936	19.936	-	Ban QLDA
a2	**Công trình Trụ sở - Văn hóa**			-	**84.249**	**28.323**	-		-	**28.323**	-		**28.323**	**28.323**	-	
1	Trụ sở Công An huyện Long Thành	B	Thị trấn LT	3805 25/10/2019	54.015	18.483				18.483			18.483	18.483	-	Ban QLDA
2	Kho lưu trữ UBND hyện Long Thành	C	Thị trấn LT	3426 30/10/2019	-										-	Ban QLDA
3	Trụ sở UBND xã Phước Thái	C	xã Phước Thái	3720 25/10/2019	30.234	9.840				9.840			9.840	9.840	-	Ban QLDA
a.3	**Công trình giao thông**			-	**252.000**	**298.951**	-	-	-	**298.951**	-		**290.951**	**298.951**	**8.000**	
1	Đường Nguyễn Văn Cừ, thị trấn Long Thành.	B	Thị trấn Long Thành	3811 31/10/2019	244.000	157.601				157.601			157.601	157.601	-	Ban QLDA
2	Nâng cấp Hạ tầng khu trung tâm hành chính huyện Long Thành (Bố trí CP BTGPMB, CP tư vấn và chi phí khác)	B	Thị trấn LT	992 16/4/2007	-	133.350				133.350			133.350	133.350	-	Ban QLDA
3	Đường vào Trường Tiểu học Tam Thiện và hệ thống thoát nước	C	xã Phước Thái		8.000	8.000				8.000				8.000	8.000	Ban QLDA
a.4	**Nguồn vốn dự phòng bố trí các công trình khởi công mới khi thực hiện đủ thủ tục theo quy định trong năm 2021**				**128.693**	**117.253**	-	-	-	**117.253**	-		**115.891**	**117.253**	**1.362**	

TT	Danh mục dự án	Dự án nhóm (A, B, C)	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025							Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 2)	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 3)	Chênh lệch tăng, giảm sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
							Trong đó									
										Nguồn đất						
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách tập trung	Nguồn xổ số kiến thiết	Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho huyện (dự án mới)	Dự kiến nguồn thu tiền sử dụng đất huyện	Dự kiến nguồn khai thác đất lợi thế và đấu giá quyền sử dụng đất	Kết dư nguồn thu tiền sử dụng đất				
	Công trình giao thông, Quy hoạch				**24.828**	**24.508**	-	-	-	**24.508**	-		**37.793**	**24.508**	**(13.285)**	
1	Đường song hành Quốc lộ 51	C	xã Long Đức	7509 23/6/2021	7.853	7.533				7.533			7.853	7.533	(320)	Ban QLDA
2	Đường vào khu Logistics xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp	4299 27/4/2023	-	-				-			12.965	-	(12.965)	Ban QLDA
3	Nâng cấp đường vào cầu Ruby	C	xã Tam An	*7510 23/6/2021*	1.508	1.508				1.508			1.508	1.508	-	UBND xã Tam An
4	Hệ thống chiếu sáng xã Phước Bình (Đoạn từ nhà VH ấp 6 đến khu dân tộc Chơro)	C	xã Phước Bình	*124 15/01/2021*	1.789	1.789				1.789			1.789	1.789	-	phòng QLĐT
5	Đường dây hạ thế sau trạm biến áp khu dân tộc Stiêng xã Tân hiệp	C	xã Tân Hiệp	*125 15/01/2021*	699	699				699			699	699	-	Phòng QLĐT
6	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng đường Bàu Cạn (đoạn từ cầu Bản cũ đến hồ Cầu mới)	C	xã Bàu Cạn	*123 15/01/2021*	7.339	7.339				7.339			7.339	7.339	-	phòng QLĐT
7	Phê duyệt điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu Tái định cư tại xã Long Phước, huyện Long Thành.	C	xã Long Phước	*2050 16/6/2021*	1.209	1.209				1.209			1.209	1.209	-	Ban QLDA
8	QH Chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu Tái định cư xã Long Đức	C	xã Long Đức	*2050 16/6/2022*	988	988				988			988	988	-	Ban QLDA
9	Quy hoạch chung xây dựng xã An Phước, huyện Long Thành giai đoạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030.	C	xã An Phước	*1407 25/3/2020*	421	421				421			421	421	-	UBND xã An Phước
10	Quy hoạch chung xây dựng xã Lộc An, huyện Long Thành giai đoạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030.	C	xã Lộc An	*395 17/2/2020*	385	385				385			385	385	-	UBND xã Lộc An
11	Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng xã Bình Sơn, huyện Long Thành giai đoạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030.	C	xã Bình Sơn	*6582 03/11/2020*	432	432				432			432	432	-	UBND xã Bình Sơn
12	Quy hoạch chung xây dựng xã Long Phước, huyện Long Thành giai đoạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030.	C	xã Long Phước	*585 25/02/2020*	424	424				424			424	424	-	UBND xã Long Phước
13	Quy hoạch chung xây dựng xã Bình An, huyện Long Thành giai đoạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030.	C	xã Bình An	*393 17/02/2020*	330	330				330			330	330	-	UBND xã Bình An
14	Quy hoạch chung xây dựng xã Cẩm Đường, huyện Long Thành giai đoạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030.	C	xã Cẩm Đường	*707 02/3/2020*	310	310				310			310	310	-	UBND xã Cẩm Đường
15	Quy hoạch chung xây dựng xã Bàu Cạn, huyện Long Thành giai đoạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030.	C	xã Bàu Cạn	*705 02/3/2020*	387	387				387			387	387	-	UBND xã Bàu Cạn
16	Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hiệp, huyện Long Thành giai đoạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030.	C	xã Tân Hiệp	*708 02/3/2020*	372	372				372			372	372	-	UBND xã Tân Hiệp
17	Quy hoạch chung xây dựng xã Phước Bình, huyện Long Thành giai đoạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030.	C	xã Phước Bình	*706 02/3/2021*	382	382				382			382	382	-	UBND xã Phước Bình
	Bố trí vốn cho các công trình xã hội hoá trong năm 2021				**14.487**	**7.845**	-	-	-	**7.845**	-		**7.845**	**7.845**	**-**	
1	Sửa chữa Đường Nguyễn Trung Trực Khu Kim Sơn Thị trấn Long Thành (Đoạn từ trường Đường Nguyễn Văn Cừ đến đường Huỳnh Văn Luỹ)	C	TT. Long Thành	*7507 23/6/2021*	1.446	846				846			846	846	-	UBND Thị trấn Long Thành
2	Sửa chữa đường gom dân sinh cầu vượt (Khu Cầu xéo)Thị trấn Long Thành	C	TT. Long Thành	*7508 23/6/2021*	2.421	2.421				2.421			2.421	2.421	-	UBND Thị trấn Long Thành
3	Đường khu 2 xã Long Phước	C	xã Long Phước	*656 27/1/2021*	1.871	767				767			767	767	-	UBND xã Long Phước

TT	Danh mục dự án	Dự án nhóm (A, B, C)	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025							Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 2)	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 3)	Chênh lệch tăng, giảm sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
							Trong đó									
										Nguồn đất						
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách tập trung	Nguồn xổ số kiến thiết	Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho huyện (dự án mới)	Dự kiến nguồn thu tiền sử dụng đất huyện	Dự kiến nguồn khai thác đất lợi thế và đấu giá quyền sử dụng đất	Kết dư nguồn thu tiền sử dụng đất				
4	Hẻm 177, 178,179; 177/1;177/2;177/5;177/6 đường Suối Quýt xã Cẩm Đường	C	xã Cẩm Đường	7685 13/7/2021	5.009	2.011				2.011			2.011	2.011	-	UBND xã Cẩm Đường
5	Hẻm 2 Đường ấp 1 xã Bình Sơn	C	xã Bình Sơn	7465 23/6/2021	496	243				243			243	243	-	UBND xã Bình Sơn
6	Đường ấp 1 xã Bình Sơn	C	xã Bình Sơn	7467 23/6/2021	841	404				404			404	404	-	UBND xã Bình Sơn
7	Đường ấp 1-9 xã Bình Sơn	C	xã Bình Sơn	7466 23/6/2021	2.403	1.153				1.153			1.153	1.153	-	UBND xã Bình Sơn
	Công trình giáo dục				**43.430**	**43.430**	-	-	-	**43.430**	-		**43.430**	**43.430**	-	
1	Trường TH Long Đức (phân hiệu khu 15)	C	xã Long Đức	7470 23/6/2021	4.405	4.405				4.405			4.405	4.405	-	Ban QLDA
2	Trường THCS An Phước (GĐ2) (XD 06 phòng học)	C	xã An Phước	7468 23/6/2021	7.093	7.093				7.093			7.093	7.093	-	Ban QLDA
3	Trường Mầm non Thành Nghĩa	C	xã An Phước	6542 30/10/2020	14.994	14.994				14.994			14.994	14.994	-	Ban QLDA
4	Cải tạo, sửa chữa các trường Mầm non, trên địa bàn huyện,	C	huyện LT	4482 21/5/2021	864	864				864			864	864	-	Phòng GD&ĐT
5	Cải tạo, sửa chữa các trường Tiểu học trên địa bàn huyện,	C	huyện LT	4483 21/5/2021	6.102	6.102				6.102			6.102	6.102	-	Phòng GD&ĐT
6	Cải tạo, sửa chữa các trườngTHCS trên địa bàn huyện,	C	huyện LT	4484 21/5/2021	9.972	9.972				9.972			9.972	9.972	-	Phòng GD&ĐT
	Công trình Văn hoá - trụ sở				**41.661**	**41.470**	-	-	-	**41.470**	-		**26.823**	**41.470**	**14.647**	
1	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Văn hóa Thông tin - Thể thao huyện Long Thành, Hạng mục: Cải tạo khối nhà Trung tâm Văn hóa và khối nhà hội trường 500 chỗ	C	xã An Phước	7469 23/6/2021	3.302	3.302				3.302			3.302	3.302	-	Ban QLDA
5	Trụ Sở Công An xã Lộc An	C	xã Lộc An	5966 6/6/2023	14.987	14.987				14.987			-	14.987	14.987	Ban QLDA
2	Sửa chữa Trụ sở Thanh Tra huyện	C	Thị trấn Long Thành	7662 12/7/2021	962	962				962			962	962	-	Thanh Tra huyện
3	Sửa chữa Trụ sở HĐND-UBND Thị trấn Long Thành	B	Thị trấn Long Thành	8217 18/7/2021	1.393	1.325				1.325			1.393	1.325	(68)	UBND Thị trấn Long Thành
4	Sửa chữa các nhà VH ấp 1, ấp 2, ấp 4, ấp 5, ấp 6, ấp 7, ấp 8 xã Bàu Cạn	C	xã Bàu Cạn	7558 05/7/2021	2.496	2.496				2.496			2.496	2.496	-	UBND xã Bàu Cạn
5	Cải tạo, sửa chữa tạm Trụ sở UBND xã Tam An	C	xã Tam An	84 14/01/2021	516	516				516			516	516	-	UBND xã Tam An
6	Cải tạo, Sửa chữa các nhà VH ấp 1, ấp 2, ấp 3, ấp 4 và ấp 5 xã Tam An	C	xã Tam An	7505 23/6/2021	2.004	2.004				2.004			2.004	2.004	-	UBND xã Tam An
7	Xây dựng tường rào đền thờ Liệt sỹ xã Long An	C	xã Long An	213 22/01/2021	678	678				678			678	678	-	UBND xã Long An
8	Sửa chữa TT.VH và học tập cộng đồng xã Long An	C	xã Long An	1850 03/02/2021	1.129	1.129				1.129			1.129	1.129	-	UBND xã Long An
9	Xây dựng hàng rào, cổng Trung tâm văn hoá TT-HTCĐ xã Bình An	C	xã Bình An	1849 03/02/2021	1.422	1.422				1.422			1.422	1.422	-	UBND xã Bình An
10	Sửa chữa nhà văn hoá dân tộc Chăm, xã Bình Sơn	C	xã Bình Sơn	7663 12/7/2021	650	650				650			650	650	-	UBND xã Bình Sơn
11	Sửa chữa và xây mới tường rào cổng, tường rào các nhà văn hoá ấp 1,6,8,9,10 và ấp Xóm Đình, xã Bình Sơn	C	xã Bình sơn	7747 16/7/2021	2.553	2.430				2.430			2.702	2.430	(272)	UBND xã Bình Sơn
12	Sửa chữa nhà tạm giam Công an huyện Long Thành	C	xã Long Đức	7684 13/7/2021	3.715	3.715				3.715			3.715	3.715	-	Ban QLDA
13	Trụ sở Trung đội dân quân thường trực KCN Lộc An - Bình Sơn	C	xã Lộc An	7557 05/7/2021	5.854	5.854				5.854			5.854	5.854	-	Ban QLDA
b	**Công trình khởi công mới 2021-2025**				**1.176.812**	**692.100**	-		-	**692.100**	-		**617.226**	**692.100**	**74.874**	

TT	Danh mục dự án	Dự án nhóm (A, B, C)	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025							Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 2)	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 3)	Chênh lệch tăng, giảm sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
							Trong đó									
										Nguồn đất						
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách tập trung	Nguồn xổ số kiến thiết	Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho huyện (dự án mới)	Dự kiến nguồn thu tiền sử dụng đất huyện	Dự kiến nguồn khai thác đất lợi thế và đấu giá quyền sử dụng đất	Kết dư nguồn thu tiền sử dụng đất				
	Công trình Văn hóa - Trụ sở				**717.200**	**345.271**	-	-	-	**345.271**	-		**410.302**	**345.271**	**(65.031)**	
1	Trụ sở Uỷ ban nhân dân xã Tam An	C	xã Tam An	9577 15/11/2022	39.927	39.927				39.927			39.927	39.927	-	Ban QLDA
2	Trung đội dân quân thường trực Khu Công nghiệp An Phước	C	xã An Phước		5.800	300				300			5.800	300	(5.500)	Ban QLDA
3	Đồn Công An Khu Công nghiệp Gò Dầu xã Phước Thái	C	xã Phước Thái	6065 17/6/2023	14 975	14.975				14.975			5.800	14.975	9.175	Ban QLDA
4	Cải tạo, sửa chữa các nhà văn hoá ấp trên địa bàn xã An Phước	C	xã An Phước		-	-				-			2.000	-	(2.000)	UBND xã An Phước
5	Sửa chữa Trung tâm Văn hóa và Học tập cộng đồng xã Long Phước	C	xã Long Phước	9959 14/11/2022	703	677				677			677	677	-	UBND xã Long Phước
6	Nâng cấp sửa chữa trụ sở UBND xã Long Phước	C	xã Long Phước		-	-				-			1.300	-	(1.300)	UBND xã Long Phước
7	Nâng cấp, sửa chữa các nhà văn hoá ấp tại xã Long Phước	C	xã Long Phước		-	-				-			1.000	-	(1.000)	UBND xã Long Phước
8	Xây dựng nhà văn hoá ấp 5 xã Long Phước	C	xã Long Phước		-	-				-			2.500	-	(2.500)	UBND xã Long Phước
9	Nhà Văn hoá ấp Đất mới xã Long Phước	C	xã Long Phước		-	-				-			2.000	-	(2.000)	UBND xã Long Phước
10	Cải tạo sửa chữa TT VH HTCĐ xã Phước Thái	C	xã Phước Thái	*11848 29/11/2021*	1.100	1.100				1.100			1.100	1.100	-	UBND xã Phước Thái
11	Sửa chữa các nhà văn hóa ấp Long Phú, ấp 1A, 1B, 1C xã Phước Thái	C	xã Phước Thái	*9996 18/11/2022*	951	906				906			906	906	-	UBND xã Phước Thái
12	XD nhà VH ấp Hiền Hoà xã Phước Thái	C	xã Phước Thái		2.000	50				50			2.000	50	(1.950)	UBND xã Phước Thái
13	XD nhà VH ấp Hiền Đức xã Phước Thái	C	xã Phước Thái		2.000	50				50			2.000	50	(1.950)	UBND xã Phước Thái
14	Thao trường huấn luyện Lực lượng vũ trang huyện Long Thành, xã Tân Hiệp (giai đoạn 2)	C	xã Tân Hiệp		14.978	14.895				14.895			14.000	14.895	895	Ban CHQS huyện
15	Cải tạo sửa chữa nhà văn hoá ấp 1, ấp 3, 4,5 xã Tân Hiệp.	C	xã Tân Hiệp	1719 07/3/2022	1.839	1.839				1.839			2.168	1.839	(329)	UBND xã Tân Hiệp
16	Xây dựng nhà Văn hoá ấp 2, xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp	2093 02/3/2023	2.277	2.277				2.277			2.500	2.277	(223)	UBND xã Tân Hiệp
17	Xây dựng nhà Văn hóa ấp 5 xã Phước Bình	C	xã Phước Bình	5682 25/5/2023	2.408	2.408				2.408			2.500	2.408	(92)	UBND xã Phước Bình
18	Xây dựng nhà VH ấp 6 xã Phước Bình	C	xã Phước Bình		-	-				-			2.500	-	(2.500)	UBND xã Phước Bình
19	Sửa chữa nhà văn hoá dân tộc Chơ ro xã Phước Bình	C	xã Phước Bình	*4846 31/5/2022*	1.000	1.000				1.000			1.000	1.000	-	UBND xã Phước Bình
20	Cải tạo sửa chữa TT.VH xã Phước Bình	C	xã Phước Bình		-	-				-			1.500	-	(1.500)	UBND xã Phước Bình
21	Cải tạo sửa chữa TT.VH xã Long Đức	C	xã Long Đức	*1042 23/02/2022*	749	749				749			749	749	-	UBND xã Long Đức
22	Trụ sở HĐND-UBND xã Long Đức	C	xã Long Đức		68.640	68.640				68.640			30.000	68.640	38.640	Ban QLDA
23	Trụ sở HĐND-UBND xã Long An	C	xã Long An		30.000	500				500			30.000	500	(29.500)	Ban QLDA
24	Trụ sở HĐND-UBND xã Bình An	C	xã Bình An		68.887	68.887				68.887			30.000	68.887	38.887	Ban QLDA
25	Trụ sở HĐND-UBND xã Bàu Cạn	C	xã Bàu Cạn		71.556	71.556				71.556			30.000	71.556	41.556	Ban QLDA
26	Trụ sở HĐND-UBND xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		30.000	500				500			30.000	500	(29.500)	Ban QLDA

TT	Danh mục dự án	Dự án nhóm (A, B, C)	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025							Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 2)	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 3)	Chênh lệch tăng, giảm sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
							Trong đó									
										Nguồn đất						
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách tập trung	Nguồn xổ số kiến thiết	Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho huyện (dự án mới)	Dự kiến nguồn thu tiền sử dụng đất huyện	Dự kiến nguồn khai thác đất lợi thế và đấu giá quyền sử dụng đất	Kết dư nguồn thu tiền sử dụng đất				
27	Trụ sở HĐND-UBND xã Long Phước	C	xã Long Phước		30.000	500				500			30.000	500	(29.500)	Ban QLDA
28	Xây dựng TT.VH xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		-	-				-			7.700	-	(7.700)	Ban QLDA
29	Trụ sở dân quân thường trực KCN Long Thành	C	xã Tam An		5.800	300				300			5.800	300	(5.500)	Ban QLDA
30	Sửa chữa Nhà văn hóa khu 12, khu 13, khu 14, khu 15 xã Long Đức	C	xã Long Đức	9130 31/10/2022	904	860				860			1.000	860	(140)	UBND xã Long Đức
31	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Long Thành	C	xã Long Đức		30.131	300				300			15.131	300	(14.831)	Ban QLDA
32	Trụ sở Công An huyện Long Thành (GĐ2)	B	Thị trấn LT		120.000	500				500			50.000	500	(49.500)	Ban QLDA
33	Trụ sở HĐND-UBND Thị trấn Long Thành	B	Thị trấn Long Thành	*8217 18/12/2020*	45.000	500				500			6.000	500	(5.500)	Ban QLDA
34	Nhà thi đấu đa năng huyện Long Thành	B	Thị trấn Long Thành		75.000	500				500			3.874	500	(3.374)	Ban QLDA
35	Trụ sở 01 cửa huyện Long Thành	C	Thị trấn Long Thành	*7463 23/6/2021*	25.613	25 613				25.613			25.613	25.613	-	Ban QLDA
36	Trụ sở Đài truyền thanh huyện	C	Thị trấn Long Thành	*8148 17/12/2020*	14.015	14.015				14.015			14.015	14.015	-	Ban QLDA
37	Nhà công vụ Trụ sở HĐND-UBND huyện Long Thành	C	Thị trấn Long Thành	*3682 17/4/2023*	10.947	10 947				10.947			7.242	10.947	3.705	Ban QLDA
	Công trình hạ tầng, giao thông				**107.969**	**69.745**	-	-	-	**69.745**	-		**109.555**	**69.745**	**(39.810)**	
1	Khu Tái Định cư tại Trung tâm dịch vụ công ích và Trung tâm phát triển Quỹ đất (cũ), thị trấn Long Thành,	B	TT. Long Thành	9374 31/10/2022	5.156	5.156				5.156			20.586	5.156	(15.430)	Ban QLDA
2	Khu Tái Định cư tại khu đất hợp tác xã nông nghiệp (cũ), thị trấn Long Thành,	B	TT. Long Thành	9371 31/10/2022	2.964	2.964				2.964			10.000	2.964	(7.036)	Ban QLDA
3	Xây dựng cổng chào và chỉnh trang 02 khu hoa viên Mũi tàu Nam và Mũi tàu bắc đường Lê Duẩn	C	Thị trấn Long Thành	2122 7/3/2023	21.875	21 875				21.875			20.000	21.875	1.875	Ban QLDA
4	Công Viên vòng xoay Cao tốc xã Long An	C	Xã Long An		-	-				-			-	-	-	
5	Nâng cấp sân vận động huyện Long Thành	B	TT. Long Thành		7.000	300				300			7.000	300	(6.700)	Ban QLDA
6	Công viên dọc bờ kè suối Quản thủ	C	TT. Long Thành		7.200	300				300			7.200	300	(6.900)	UBND Thị trấn Long Thành
7	Trường Tiểu học Tân Hiệp (gđ3)	C	xã Tân Hiệp	2629 02/03/2021	33.023	8.419				8.419			8.419	8.419	-	Ban QLDA
8	Nâng cấp đường An Định ấp 3 xã Tam An	C	xã Tam An	10329 14/10/2021	1.687	1.667				1.667			2.500	1.667	(833)	UBND xã Tam An
9	Cầu Suối Phèn đường Võ Thị Sáu, xã Long Đức	C	xã Long Đức		8.850	8.850				8.850			8.850	8.850	-	Ban QLDA
10	Đường vào khu trung tâm hành chính xã Bàu Cạn	C	xã Bàu Cạn	2094 02/3/2023	20.214	20 214				20.214			25.000	20.214	(4.786)	Ban QLDA
	Công trình giáo dục				**351.643**	**277.084**	-	-	-	**277.084**	-		**97.369**	**277.084**	**179.715**	
1	Trường Mầm non Hoa Mai (giai đoạn 2)	C	Thị trấn Long Thành	2777 29/3/2023	35.540	35.540				35.540			14.369	35.540	21.171	Ban QLDA
2	Trường Tiểu học Tân Thành	C	xã Bàu Cạn		41.000	1.000				1.000			36.000	1.000	(35.000)	Ban QLDA

TT	Danh mục dự án	Dự án nhóm (A, B, C)	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025							Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 2)	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 3)	Chênh lệch tăng, giảm sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
							Trong đó									
										Nguồn đất						
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách tập trung	Nguồn xổ số kiến thiết	Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho huyện (dự án mới)	Dự kiến nguồn thu tiền sử dụng đất huyện	Dự kiến nguồn khai thác đất lợi thế và đấu giá quyền sử dụng đất	Kết dư nguồn thu tiền sử dụng đất				
3	Trường Mầm non Tân Thành, xã Bàu Cạn	B	xã Bàu Cạn		60.068	60.068		-		60.068			-	60.068	60.068	Ban QLDA
1	Trường Mẫu giáo Cẩm Đường (mở rộng)	B	xã Cẩm Đường	5763 01/6/2023	67.477	32.918		-		32.918			-	32.918	32.918	Ban QLDA
8	Trường Mầm non Thái Hiệp Thành	C	xã Bàu Cạn	5764 01/6/2023	58.390	58.390		-		58.390			-	58.390	58.390	Ban QLDA
4	Trường Tiểu học Thái Hiệp Thành	B	xã Bàu Cạn	9177 17/10/2022	74.600	74.600				74.600			35.000	74.600	39.600	Ban QLDA
5	Trường Tiểu học Phước Bình (giai đoạn 2)	C	xã Phước Bình	5332 17/5/2023	14.568	14.568				14.568			12.000	14.568	2.568	Ban QLDA
A.3.2	**Các dự án giai đoạn 2021-2025 bố trí vốn khởi công mới khi thực hiện đầy đủ các thủ tục đầu tư theo quy định.**				**819.135**	**310.823**	**-**	**-**	**-**	**310.823**	**-**		**200.942**	**310.823**	**109.881**	
a	**Các công trình chuẩn bị đầu tư năm 2021**				**255.702**	**187.651**	**-**	**-**	**-**	**187.651**	**-**		**82.009**	**187.651**	**105.642**	
	Công trình giao thông thuỷ lợi				**56.737**	**56.737**	**-**	**-**	**-**	**56.737**	**-**		**7.863**	**56.737**	**48.874**	
1	Hệ hống thoát nước chống ngập úng đường liên ấp 7-8 xã An Phước	C	xã An Phước	*4480 21/5/2021*	7.863	7.863				7.863			7.863	7.863	-	Ban QLDA
2	Nâng cấp, mở rộng đường Khai Thác đá 3 xã Long An	C	xã Long An		48.874	48.874				48.874			-	48.874	48.874	Ban QLDA
	Công trình Văn hóa - Trụ sở				**77.655**	**73.943**	**-**	**-**	**-**	**73.943**	**-**		**73.946**	**73.943**	**(3)**	
1	Sở chỉ huy thời chiến huyện Long Thành	C	xã Long Đức	*4303 27/4/2023*	38.738	38.738				38.738			38.741	38.738	(3)	Ban QLDA
2	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Cẩm Đường	C	xã Cẩm Đường	9578 15/11/2022	38.917	35.205				35.205			35.205	35.205	-	Ban QLDA
	Công trình giáo dục			**-**	**121.310**	**56.971**	**-**	**-**	**-**	**56.971**	**-**		**200**	**56.971**	**56.771**	
1	Trường Tiểu học - Trung học cơ sở An Phước	B	xã An Phước		64.439	100				100			100	100	-	Ban QLDA
2	Trường Tiểu học Long Phước	B	xã Long Phước	10413 22/11/2022	56.871	56.871				56.871			100	56.871	56.771	Ban QLDA
b	**DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025**				**563.433**	**123.172**	**-**		**-**	**123.172**	**-**		**118.933**	**123.172**	**4.239**	
b.1	**Công trình giáo dục**				**168.106**	**6.624**	**-**	**-**	**-**	**6.624**	**-**		**12.469**	**6.624**	**(5.845)**	
1	Xây dựng Trường TH Tam An 2	B	xã Tam An		40.000	100				100			7.883	100	(7.783)	Ban QLDA
2	Xây mới 05 phòng học tại điểm Trường Tiểu học Tập Phước tại ấp 5, xã Long Phước	C	xã Long Phước	*9442 07/11/2022*	4.329	2.886				2.886			2.886	2.886	-	Phòng Giáo dục và Đào tạo
3	Xây mới khối nhà đa năng Trường Mầm non Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp	*2119 07/3/2023*	3.775	3.638				3.638			1.700	3.638	1.938	Phòng Giáo dục và Đào tạo
b.2	**Công trình giao thông, hạ tầng, thuỷ lợi, quy hoạch**				**50.179**	**33.708**	**-**	**-**	**-**	**33.708**	**-**		**38.982**	**33.708**	**(5.274)**	
1	Đường gom dân sinh cao tốc Tp.HCM-Long Thành-Dầu giây	C	xã An Phước và xã Tam An		-	-				-			100	-	(100)	Ban QLDA
2	Hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Tam An	C	xã Tam An		-	-				-				-	-	Phòng QLĐT
3	Đường vào khu dân cư 92 ha xã Long Đức	B	xã An Phước		-	-				-			100	-	(100)	Ban QLDA
4	Mở rộng hệ thống cấp nước trên địa bàn xã An Phước	C	xã An Phước		-	-									-	Phòng QLĐT
5.	Điểm rác trung chuyển khu 13 xã Long Đức	C	xã Long Đức		-	-				-			100	-	(100)	UBND xã Long Đức
6	Điểm rác trung chuyển khu 15 xã Long Đức	C	xã Long Đức		8.000	100				100			8.000	100	(7.900)	Phòng TN&MT

TT	Danh mục dự án	Dự án nhóm (A, B, C)	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025							Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 2)	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 3)	Chênh lệch tăng, giảm sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
							Trong đó									
										Nguồn đất						
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách tập trung	Nguồn xổ số kiến thiết	Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho huyện (dự án mới)	Dự kiến nguồn thu tiền sử dụng đất huyện	Dự kiến nguồn khai thác đất lợi thế và đấu giá quyền sử dụng đất	Kết dư nguồn thu tiền sử dụng đất				
7	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Long Đức	C	xã Long Đức		-	-									-	Phòng QLĐT
8	Kiên cố Suối Ông Quế	C	xã Lộc An		-	-				-			100	-	(100)	Ban QLDA
9	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Lộc An	C	xã Lộc An		-	-									-	Phòng QLĐT
10	Cải tạo, sửa chữa đường Sa Cá	C	xã Bình An	4300 27/4/2023	11.534	11.534				11.534			6.000	11.534	5.534	Ban QLDA
11	Điểm rác trung chuyển xã Bình An	C	xã Bình An		-	-				-			100	-	(100)	UBND xã Bình An
12	Mương thoát nước ấp An Viễng, xã Bình An	C	xã Bình An			-				-			100	-	(100)	UBND xã Bình An
13	Đường ấp Suối Quýt, xã Cẩm Đường	C	xã Cẩm Đường		-	-				-			100	-	(100)	Ban QLDA
14	Hồ chứa nước Bình Sơn	B	xã Bình Sơn		-	-									-	Ban QLDA
15	Cầu Bình Sơn (ấp 8- ấp 1)	C	xã Bình Sơn		-	-				-			100	-	(100)	UBND xã Bình Sơn
16	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Bình Sơn	C	xã Bình Sơn		-	-									-	Phòng QLĐT
17	Nạo vét mương thoát nước (đoạn từ QL51 đến đường cao tốc TP.HCM-Long Thành-Dầu Giây)	C	TT. Long Thành		-	-				-			100	-	(100)	UBND Thị trấn Long Thành
18	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn Thị trấn Long Thành	C	Thị trấn Long Thành		-	-				-			100	-	(100)	Phòng QLĐT
19	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Long An	C	xã Long An		-	-				-			100	-	(100)	phòng QLĐT
20	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Long Phước	C	xã Long Phước		-	-				-			100	-	(100)	phòng QLĐT
21	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Phước Thái	C	xã Phước Thái		-	-				-			100	-	(100)	phòng QLĐT
22	Đường số 1 xã Tân Hiệp	B	xã Tân Hiệp		-	-				-			100	-	(100)	Ban QLDA
23	Hệ thống chiếu sáng (đoạn cuối đường Tân Hiệp) xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp	2907 07/4/2023	5.413	4.920				4.920			100	4.920	4.820	Phòng QLĐT
24	Hệ thống thoát nước khu trung tâm xã Tân Hiệp.	C	xã Tân Hiệp		-	-				-			100	-	(100)	phòng QLĐT
25	Điểm rác trung chuyển xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		-	-				-			100	-	(100)	UBND xã Tân Hiệp
26	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		-	-									-	Phòng QLĐT
27	Đường Phước Bình-Bàu Cạn-Cẩm Đường	B	huyện Long Thành		-	-									-	100% NS tỉnh
28	Đường nội bộ khu dân tộc Chơ Ro	C	xã Phước Bình	14188 31/12/2021	14.264	14.264				14.264			14.264	14.264	-	Ban QLDA
29	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Phước Bình	C	xã Phước Bình		-	-									-	phòng QLĐT
30	Điểm rác trung chuyển xã Bàu Cạn	C	xã Bàu Cạn		8.000	100				100			8.000	100	(7.900)	Phòng TN& MT
31	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Bàu Cạn	C	xã Bàu Cạn		-	-									-	phòng QLĐT
32	Quy hoạch chi tiết 1/500 Khu tái định cư Tân Hiệp (giai đoạn 2)	C	xã Tân Hiệp		-	-				-			-	-	-	phòng QLĐT
33	Quy hoạch chi tiết 1/500 Khu tái định cư Long Đức (giai đoạn 2)	C	xã Long Đức		-	-				-				-	-	phòng QLĐT
34	Hệ thống chiếu sáng khu 15 xã Long Đức	C	xã Long Đức	4465 08/5/2023	1.950	1.772				1.772			-	1.772	1.772	UBND xã Long Đức

TT	Danh mục dự án	Dự án nhóm (A, B, C)	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025							Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 2)	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 3)	Chênh lệch tăng, giảm sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
							Trong đó									
										Nguồn đất						
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách tập trung	Nguồn xổ số kiến thiết	Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho huyện (dự án mới)	Dự kiến nguồn thu tiền sử dụng đất huyện	Dự kiến nguồn khai thác đất lợi thế và đấu giá quyền sử dụng đất	Kết dư nguồn thu tiền sử dụng đất				
35	Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu Tái định cư thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	C	Thị trấn Long Thành	623 11/3/2022	1.018	1.018				1.018			1.018	1.018	-	Ban QLDA
	Công trình Văn hóa - Trụ sở			-	**97.524**	**15.424**	-	-	-	**15.424**	-		**2.536**	**15.424**	**12.888**	
1	Trung tâm Văn hoá và học tập cộng đồng xã Tam An	C	xã Tam An	4293 27/4/2023	11.534	11.534				11.534			100	11.534	11.434	Ban QLDA
2	Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự huyện Long thành	B	xã Long Đức		80.000	-				-			100	-	(100)	Ban QLDA
3	Sửa chữa Ngân hàng chính sách huyện	C	Thị trấn Long Thành		1.000	-				-			100	-	(100)	Ban QLDA
4	Sửa chữa trụ sở Chi cục Thi hành án dân sự huyện	C	Thị trấn Long Thành	*4302 27/4/2023*	2.112	2.112				2.112			100	2.112	2.012	Ban QLDA
5	Sửa chữa trụ sở Hội đông y huyện Long Thành	C	Thị trấn Long Thành	*9894 29/11/2022*	842	842				842			100	842	742	Ban QLDA
6	Xây dựng nhà văn hoá ấp 7 xã Bình Sơn	C	xã Bình Sơn		1.200	100				100			1.200	100	(1.100)	Ban QLDA
7	Sửa chữa Trụ sở HĐUBND- UBND xã Long An	C	XÃ Long An	*4631 23/5/2022*	836	836				836			836	836	-	UBND xã Long An
	Hỗ trợ các công trình XHH giao thông				247.624	**67.416**	-	-	-	**67.416**	-		**64.947**	**67.416**	**2.470**	
	Công trình trên địa bàn xã Tam An				7.979	**2.782**	-	-	-	**2.782**	-		**4.730**	**2.782**	**(1.948)**	
1	Nâng cấp đường liên ấp 4-5 xã Tam An	C	xã Tam An	4297 27/4/2023	4 524	1.810				1.810			1.500	1.810	310	UBND xã Tam An
2	Hẻm 894 ấp 5 xã Tam An	C	xã Tam An		-	-				-			480	-	(480)	UBND xã Tam An
3	Mương thoát nước hẻm 588 xã Tam An	C	xã Tam An	3684 17/4/2023	1.019	376				376			900	376	(524)	UBND xã Tam An
4	Mương thoát nước hẻm 590 xã Tam An	C	xã Tam An	3684 17/4/2023	1.436	546				546			900	546	(354)	UBND xã Tam An
5	Hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Tam An	C	xã Tam An		1.000	50				50			-	50	50	UBND xã Tam An
6	Hẻm 868 ấp 4 xã Tam An	C	xã Tam An		-	-				-			950	-	(950)	UBND xã Tam An
	Công trình trên địa bàn xã An Phước				**5.747**	**1.370**	-		-	**1.370**	-		**4.051**	**1.370**	**(2.681)**	
	Công trình XHH				**5.747**	**1.370**	-		-	**1.370**	-		**4.051**	**1.370**	**(2.681)**	
1	Hẻm 268 đường ĐT Chất thải rắn xã An Phước	C	xã An Phước	5760 01/6/2023	2.344	852				852			1.634	852	(782)	UBND xã An Phước
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường điện hạ thế hẻm 1008 xã An Phước	C	xã An Phước		311	50				50			311	50	(261)	UBND xã An Phước
3	Cải tạo hẻm 937 và Hẻm 937/39 QL.51, xã An Phước	C	xã An Phước	4019 25/4/2023	736	368				368			750	368	(382)	UBND xã An Phước
4	Mở rộng hệ thống cấp nước trên địa bàn xã An Phước	C	xã An Phước		1.000	100				100			-	100	100	UBND xã An Phước
5	Hẻm 17 Đường ấp 7-8 xã An Phước	C	xã An Phước		1.356	-				-			1.356	-	(1.356)	UBND xã An Phước
	Công trình trên địa bàn xã Long Đức				**4.660**	**872**	-		-	**872**	-		**601**	**872**	**271**	
	Công trình XHH				**4.660**	**872**	-		-	**872**	-		**601**	**872**	**271**	
1	Hẻm 49 Đường Bờ đê - Long Đức	C	xã Long Đức	8395 06/9/2022	916	351				351			351	351	-	UBND xã Long Đức
2	Hẻm 41 đường Lộc An - Đội 3	C	xã Long Đức		-	-				-				-	-	UBND xã Long Đức

TT	Danh mục dự án	Dự án nhóm (A, B, C)	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025							Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 2)	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 3)	Chênh lệch tăng, giảm sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
							Trong đó									
										Nguồn đất						
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách tập trung	Nguồn xổ số kiến thiết	Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho huyện (dự án mới)	Dự kiến nguồn thu tiền sử dụng đất huyện	Dự kiến nguồn khai thác đất lợi thế và đấu giá quyền sử dụng đất	Kết dư nguồn thu tiền sử dụng đất				
3	Hẻm 109 đường Long Đức - Long An	C	xã Long Đức		-	-				-				-	-	UBND xã Long Đức
4	Hẻm 113 đường Long Đức - Long An	C	xã Long Đức		-	-				-				-	-	UBND xã Long Đức
5	Hẻm 85 đường Khu công nghiệp Long Đức	C	xã Long Đức		-	-				-				-	-	UBND xã Long Đức
6	Nâng cấp hẻm 64 đường Võ Thị Sáu	C	xã Long Đức		-	-				-				-	-	UBND xã Long Đức
7	Hệ thống chiếu sáng khu 15 xã Long Đức	C	xã Long Đức	4465 08/5/2023	1.950	-				-			100	-	(100)	UBND xã Long Đức
8	Đường dây điện hạ thế khu 15 xã Long Đức	C	xã Long Đức	4466 08/5/2023	794	421				421			50	421	371	UBND xã Long Đức
9	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Long Đức	C	xã Long Đức		1.000	100				100			-	100	100	UBND xã Long Đức
10	Bổ sung hệ thống thoát nước trên địa bàn xã Long Đức	C	xã Long Đức		-	-				-			100	-	(100)	UBND xã Long Đức
	Công trình trên địa bàn xã Lộc An				**16.936**	**5.941**	**-**		**-**	**5.941**	**-**		**5.841**	**5.941**	**100**	
	Công trình XHH				**16.936**	**5.941**	**-**		**-**	**5.941**	**-**		**5.841**	**5.941**	**100**	
1	Sửa chữa Đường Bưng Cơ xã Lộc An	C	Xã Lộc An	*4842 31/5/2022*	3.324	1.197				1.197			1.197	1.197	-	UBND xã Lộc An
2	Sửa chữa đường Bình Lâm - Bưng Cơ xã Lộc An	C	Xã Lộc An	*4889 31/5/2022*	2.169	767				767			767	767	-	UBND xã Lộc An
3	Sửa chữa đường Thanh Bình 1 xã Lộc An	C	Xã Lộc An	4887 31/5/2022	3.592	1.262				1.262			1.262	1.262	-	UBND xã Lộc An
4	Sửa chữa đường Thanh Bình xã Lộc An	C	Xã Lộc An	4888 31/5/2022	2.283	807				807			807	807	-	UBND xã Lộc An
5	Sửa chữa đường Bình Lâm-Thanh Bình	C	Xã Lộc An	4843 31/5/2022	1.721	609				609			609	609	-	UBND xã Lộc An
6	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Lộc An	C	xã Lộc An		1.000	100				100			-	100	100	UBND xã Lộc An
7	Sửa chữa đường Cầu Xe-Thanh Bình (đoạn 2)	C	Xã Lộc An	4890 31/5/2022	2.847	1.200				1.200			1.200	1.200	-	UBND xã Lộc An
	Công trình trên địa bàn xã Bình An				**11.686**	**4.696**	**-**		**-**	**4.696**	**-**		**6.796**	**4.696**	**(2.100)**	
	Công trình XHH				**11.686**	**4.696**	**-**		**-**	**4.696**	**-**		**6.796**	**4.696**	**(2.100)**	
1	Đường liên ấp Bàu Tre đến giáp ấp 7 xã Bình Sơn thuộc xã Bình An	C	xã Bình An		206	206				206			206	206	-	UBND xã Bình An
2	Hẻm 4+5 ấp Bàu tre xã Bình An	C	xã Bình An		103	103				103			103	103	-	UBND xã Bình An
3	Hẻm tổ 3 ấp Bàu Tre xã Bình An	C	xã Bình An		167	167				167			167	167	-	UBND xã Bình An
4	Hẻm tổ 2 ấp Bàu Tre, xã Bình An	C	xã Bình An		90	90				90			90	90	-	UBND xã Bình An
5	Đường tổ 10 ấp An Bình xã Bình An	C	xã Bình An		87	87				87			87	87	-	UBND xã Bình An
6	Đường Tổ 7 ấp An Bình xã Bình An	C	xã Bình An		129	129				129			129	129	-	UBND xã Bình An
7	Đường số 7 ấp An Bình xã Bình An	C	xã Bình An		129	129				129			129	129	-	UBND xã Bình An
8	Đường tổ 3 ấp An Viễng, xã Bình An	C	xã Bình An		92	92				92			92	92	-	UBND xã Bình An
9	Đường tổ 4 ấp An Viễng, xã Bình An	C	xã Bình An		87	87				87			87	87	-	UBND xã Bình An

TT	Danh mục dự án	Dự án nhóm (A, B, C)	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025							Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 2)	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 3)	Chênh lệch tăng, giảm sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
							Trong đó									
										Nguồn đất						
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách tập trung	Nguồn xổ số kiến thiết	Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho huyện (dự án mới)	Dự kiến nguồn thu tiền sử dụng đất huyện	Dự kiến nguồn khai thác đất lợi thế và đấu giá quyền sử dụng đất	Kết dư nguồn thu tiền sử dụng đất				
10	Đường tổ 5 ấp An Viễng, xã Bình An	C	xã Bình An		145	145				145			145	145	-	UBND xã Bình An
11	Đường tổ 14 ấp An Viễng, xã Bình An	C	xã Bình An		104	104				104			104	104	-	UBND xã Bình An
12	Mương thoát nước ấp An Viễng, xã Bình An	C	xã Bình An		2.200	-				-			2.200	-	(2.200)	UBND xã Bình An
13	Đường tổ 1 ấp Sa Cá, xã Bình An	C	xã Bình An		133	133				133			133	133	-	UBND xã Bình An
14	Đường nội đồng kênh sa cá xã Bình An	C	xã Bình An		3.028	1.211				1.211			1.211	1.211	-	UBND xã Bình An
15	Hẻm 21 Đường Cầu Mên xã Bình An	C	xã Bình An	5561 16/6/2022	1.464	753				753			753	753	-	UBND xã Bình An
16	Đường điện hạ thế nội đồng ấp Sa Cá xã Bình An	C	xã Bình An	6473 16/6/2023	1.512	756				756			756	756	-	UBND xã Bình An
17	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Bình An	C	xã Bình An		1.000	100				100			-	100	100	UBND xã Bình An
18	Đường tổ 2,3,8,9,10 ấp An Viễng xã Bình An	C	xã Bình An		1.010	404				404			404	404	-	UBND xã Bình An
	Công trình trên địa bàn xã Cẩm Đường				**6.247**	**2.150**	**-**		**-**	**2.150**	**-**		**10.238**	**2.150**	**(8.088)**	
	Công trình XHH				**6.247**	**2.150**	**-**		**-**	**2.150**	**-**		**10.238**	**2.150**	**(8.088)**	
1	Hẻm tổ 7, ấp Cẩm Đường (nối đường Suối Đục)	C	xã Cẩm Đường		-	-				-			1.070	-	(1.070)	UBND xã Cẩm Đường
2	Đường hẻm tổ 7, ấp Cẩm Đường	C	xã Cẩm		-	-				-			600	-	(600)	UBND xã Cẩm
3	Nâng cấp hẻm 453HL 10 ấp 1, xã Cẩm Đường	C	xã Cẩm		-	-				-			600	-	(600)	UBND xã Cẩm
4	Nâng cấp hẻm 47 ấp Suối Quýt, xã Cẩm Đường	C	xã Cẩm Đường		-	-				-			600	-	(600)	UBND xã Cẩm Đường
5	Đường Cẩm Đường - Cầu Mên xã Cẩm Đường	C	xã Cẩm Đường		-	-				-			2.400	-	(2.400)	UBND xã Cẩm Đường
6	Đường hẻm 80, xã Cẩm Đường	C	xã Cẩm Đường		-	-				-			50	-	(50)	UBND xã Cẩm Đường
7	Đường hẻm 68, ấp Suối Quýt xã Cẩm Đường	C	xã Cẩm		-	-				-			50	-	(50)	UBND xã Cẩm
8	Đường hẻm 64/9, đường Cây Sung, xã Cẩm Đường	C	xã Cẩm Đường	7833 19/7/2021	3.431	1.202				1.202			1.724	1.202	(522)	UBND xã Cẩm Đường
9	Nâng cấp đường Suối Đục HL 10	C	xã Cẩm Đường		-	-				-			500	-	(500)	UBND xã Cẩm Đường
10	Nâng cấp mới đường tổ 10 ấp Suối Quýt	C	xã Cẩm Đường		-	-				-			500	-	(500)	UBND xã Cẩm Đường
11	Đường điện hạ thế đường vận chuyển nông sản, ấp Cẩm Đường	C	xã Cẩm Đường	90 13/01/2023	323	171				171			850	171	(679)	UBND xã Cẩm Đường
12	Đường điện hạ thế hẻm tổ 7, ấp Cẩm Đường	C	xã Cẩm Đường	2164 09/3/2023	340	182				182			50	182	132	UBND xã Cẩm Đường
13	Đường điện hạ thế hẻm 80 xã Cẩm Đường	C	xã Cẩm Đường		-	-				-			50	-	(50)	UBND xã Cẩm Đường
14	Đường điện hạ thế hẻm 68 ấp Suối Quýt xã Cẩm Đường	C	xã Cẩm Đường	87 13/01/2023	246	131				131			50	131	81	UBND xã Cẩm Đường
15	Đường điện hạ thế hẻm 64/9 xã Cẩm Đường	C	xã Cẩm Đường		-	-				-			50	-	(50)	UBND xã Cẩm Đường
16	Đường điện hạ thế hẻm 563 Hương lộ 10, xã Cẩm Đường	C	xã Cẩm Đường	85 13/01/2023	378	202				202			354	202	(152)	UBND xã Cẩm Đường
17	Đường điện hẻm 525 ấp 1 xã Cẩm Đường	C	xã Cẩm Đường	86 13/01/2023	249	132				132			460	132	(328)	UBND xã Cẩm Đường
18	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Cẩm Đường	C	xã Cẩm Đường		1.000	100				100			-	100	100	UBND xã Cẩm Đường
19	Đường điện hẻm 471 ấp 1 xã Cẩm Đường	C	xã Cẩm Đường		280	30				30			280	30	(250)	UBND xã Cẩm Đường

TT	Danh mục dự án	Dự án nhóm (A, B, C)	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025							Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 2)	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 3)	Chênh lệch tăng, giảm sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
							Trong đó									
										Nguồn đất						
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách tập trung	Nguồn xổ số kiến thiết	Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho huyện (dự án mới)	Dự kiến nguồn thu tiền sử dụng đất huyện	Dự kiến nguồn khai thác đất lợi thế và đấu giá quyền sử dụng đất	Kết dư nguồn thu tiền sử dụng đất				
	Công trình trên địa bàn xã Bình Sơn				**5.322**	**1.922**	-		-	**1.922**	-		**1.822**	**1.922**	**100**	
	Công trình XHH				**5.322**	**1.922**	-	-	-	**1.922**	-		**1.822**	**1.922**	**100**	
1	Hẻm 238/24 đường ĐT769 xã Bình Sơn	C	xã Bình Sơn		521	521				521			521	521	-	UBND xã Bình Sơn
2	Đường, mương thoát nước ấp 6, xã Bình Sơn	C	xã Bình Sơn		2.500	-				-			-	-	-	UBND xã Bình Sơn
	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Bình Sơn	C	xã Bình Sơn		1.000	100				100			-	100	100	UBND xã Bình Sơn
3	Đường và mương ấp Xóm Đình, xã Bình Sơn	C	xã Bình Sơn		1.301	1.301				1.301			1.301	1.301	-	UBND xã Bình Sơn
	Công trình trên địa bàn Thị trấn Long Thành				**8.947**	**450**	-		-	**450**	-		**750**	**450**	**(300)**	
	Công trình XHH				**8.947**	**450**	-		-	**450**	-		**750**	**450**	**(300)**	
1	Hẻm 86 Đường Lý Tự Trọng Thị Trấn Long Thành	C	TT. Long Thành		125	50				50			50	50	-	UBND Thị trấn Long Thành
2	Hẻm 18 đường Hà Huy Giáp- Khu Văn Hải Thị Trấn Long Thành	C	TT. Long Thành		300	-				-			50	-	(50)	UBND Thị trấn Long Thành
3	Đường Lê Lai khu Phước Thuận Thị Trấn Long Thành	C	TT. Long Thành		900	50				50			50	50	-	UBND Thị trấn Long Thành
4	Đường Tạ Uyên khu Phước Thuận Thị Trấn Long Thành	C	TT. Long Thành		900	50				50			50	50	-	UBND Thị trấn Long Thành
5	Đường Ngô Quyền khu Phước Thuận Thị Trấn Long Thành	C	TT. Long Thành		689	50				50			50	50	-	UBND Thị trấn Long Thành
6	Hẻm 47, đường Tạ Uyên, Phước Thuận Thị Trấn Long Thành	C	TT. Long Thành		293	-				-			50	-	(50)	UBND Thị trấn Long Thành
7	Hẻm 115, đường Chu Văn An, Phước Thuận Thị Trấn Long Thành	C	TT. Long Thành		144	-				-			50	-	(50)	UBND Thị trấn Long Thành
8	Hẻm 107, đường Chu Văn An, Phước Thuận Thị Trấn Long Thành	C	TT. Long Thành		101	-				-			50	-	(50)	UBND Thị trấn Long Thành
9	Hẻm số 1, đường Tạ Uyên, Phước Thuận Thị Trấn Long Thành	C	TT. Long Thành		405	-				-			50	-	(50)	UBND Thị trấn Long Thành
10	Hẻm 22, đường Tạ Uyên, Phước Thuận Thị Trấn Long Thành	C	TT. Long Thành		120	50				50			50	50	-	UBND Thị trấn Long Thành
11	Hẻm 9, đường Trần Nhân Tông, khu Cầu Xéo Thị trấn Long Thành	C	TT. Long Thành		1.095	-				-			50	-	(50)	UBND Thị trấn Long Thành
12	Đường Ngô Hà Thành Thị trấn Long Thành (Đoạn Từ Nghĩa địa gò chùa đến ĐT769)	C	TT. Long Thành		1.650	-				-			50	-	(50)	UBND Thị trấn Long Thành
13	Mương thoát nước hẻm 54 đường Trần Văn Trà, khu Văn Hải Thị trấn Long Thanh,	C	TT. Long Thành		196	50				50			50	50	-	UBND Thị trấn Long Thành
14	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn Thị trấn Long Thành	C	Thị trấn Long Thành		1.000	100				100			-	100	100	UBND Thị trấn Long Thành

TT	Danh mục dự án	Dự án nhóm (A, B, C)	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025							Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 2)	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 3)	Chênh lệch tăng, giảm sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
							Trong đó									
										Nguồn đất						
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách tập trung	Nguồn xổ số kiến thiết	Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho huyện (dự án mới)	Dự kiến nguồn thu tiền sử dụng đất huyện	Dự kiến nguồn khai thác đất lợi thế và đấu giá quyền sử dụng đất	Kết dư nguồn thu tiền sử dụng đất				
15	Mương thoát nước hẻm 24 đường Trần Văn Trà, khu Văn Hải Thị trấn Long Thanh,	C	TT. Long Thành		729	50				50			50	50	-	UBND Thị trấn Long Thành
16	Đường Huỳnh Văn Luỹ Khu Kim Sơn Thị trấn Long thành (Đoạn từ Tái định cư liên kim sơn đến đường Trần Quang Khải)	C	TT. Long Thành		300	-				-			50	-	(50)	UBND Thị trấn Long Thành
	Công trình trên địa bàn xã Long An				**18.359**	**2.380**	-		-	**2.380**	-		**2.300**	**2.380**	**80**	
	Công trình XHH				**18.359**	**2.380**	-		-	**2.380**	-		**2.300**	**2.380**	**80**	
1	Đường điện hạ thế Tổ 4 ấp Xóm Gốc xã Long An	C	xã Long An		-	-				-			250	-	(250)	UBND xã Long An
2	Đường điện hạ thế Tổ 14 ấp Xóm Gốc xã Long An	C	xã Long An		250	250				250			250	250	-	UBND xã Long An
3	Đường điện hạ thế Tổ 7 ấp Xóm Trầu xã Long An	C	xã Long An		832	450				450			500	450	(50)	UBND xã Long An
4	Đường điện hạ thế Tổ 1 ấp 3 xã Long An	C	xã Long An		500	270				270			500	270	(230)	UBND xã Long An
5	Đường điện hạ thế Tổ 10, tổ 12 ấp Xóm Gốc xã Long An	C	xã Long An		500	270				270			500	270	(230)	UBND xã Long An
6	Mương thoát nước ấp 2, xã Long An	C	xã Long An		-	-				-			50	-	(50)	UBND xã Long An
7	Mương thoát nước ấp An Lâm, xã Long An	C	xã Long An	5761 01/6/2023	2.577	940				940			50	940	890	UBND xã Long An
8	Mương thoát nước ấp Xóm Gốc, xã Long An	C	xã Long An		1.200	50				50			50	50	-	UBND xã Long An
9	Xây dựng kênh mương nội đồng ấp 3 - Xóm Trầu - Xóm Gốc xã Long An	C	xã Long An		9.000	-				-			50	-	(50)	UBND xã Long An
10	Nâng cấp các tuyến đường GTNT và xây dựng mương thoát nước trên địa bàn xã Long An	C	xã Long An		2.500	50				50			50	50	-	UBND xã Long An
11	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Long An	C	xã Long An		1.000	100				100			-	100	100	UBND xã Long An
12	Hẻm 135 đường Bưng Môn, ấp 4 xã Long An	C	xã Long An		-	-				-			50	-	(50)	UBND xã Long An
	Công trình trên địa bàn xã Long Phước				**27.901**	**8.032**	-		-	**8.032**	-		**6.819**	**8.032**	**1.213**	
	Công trình XHH				**27.901**	**8.032**	-		-	**8.032**	-		**6.819**	**8.032**	**1.213**	
1	Hẻm 83 Hương Lộ 12 xã Long Phước	C	xã Long Phước	5298 12/5/2023	1.421	577				577			780	577	(203)	UBND xã Long Phước
2	Hẻm 2570 Quốc lộ 51 xã Long Phước	C	xã Long Phước	4298 27/4/2023	1.193	477				477			760	477	(283)	UBND xã Long Phước
3	Đường nối từ hẻm 157 đến hẻm 157/4 đường Bàu Cạn xã Long Phước	C	xã Long Phước	4301 27/4/2023	789	303				303			303	303	-	UBND xã Long Phước
4	Hẻm 1969 QL51 giai đoạn 2 (đường cây xanh) xã Long Phước	C	xã Long Phước		1.800	50				50			50	50	-	UBND xã Long Phước
5	Hẻm 2436 Quốc lộ 51, xã Long Phước	C	xã Long Phước	9904 29/11/2022	3.841	1.358				1.358			1.358	1.358	-	UBND xã Long Phước
6	Hẻm 2626 Quốc lộ 51 xã Long Phước	C	xã Long Phước	5931 30/6/2022	3.901	2.043				2.043			2.043	2.043	-	UBND xã Long Phước
7	Hẻm 33 đường khu 2 xã Long Phước	C	xã Long Phước	9901 29/11/2022	847	290				290			290	290	-	UBND xã Long Phước
8	Đường tổ 30-31 xã Long Phước (Hẻm 73 Khu 2)	C	xã Long Phước		612	50				50			50	50	-	UBND xã Long Phước
9	Hẻm 2396 QL51 xã Long Phước	C	xã Long Phước			-				-			50	-	(50)	UBND xã Long Phước
10	Hẻm 1895 QL51 đoạn từ Km0+105 đến Km0+415 (310m) xã Long Phước	C	xã Long Phước		446	50				50			50	50	-	UBND xã Long Phước

TT	Danh mục dự án	Dự án nhóm (A, B, C)	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025							Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 2)	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 3)	Chênh lệch tăng, giảm sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
							Trong đó									
										Nguồn đất						
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách tập trung	Nguồn xổ số kiến thiết	Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho huyện (dự án mới)	Dự kiến nguồn thu tiền sử dụng đất huyện	Dự kiến nguồn khai thác đất lợi thế và đấu giá quyền sử dụng đất	Kết dư nguồn thu tiền sử dụng đất				
11	Hẻm 2716 QL51 giai đoạn 2 xã Long Phước	C	xã Long Phước		1.296	50				50			50	50	-	UBND xã Long Phước
12	Hẻm 88 đường 68 xã Long Phước	C	xã Long Phước		1.051	50				50			50	50	-	UBND xã Long Phước
13	Hẻm 65 đường Bàu Cạn đoạn từ Km0+910 đến Km1+280 xã Long Phước	C	xã Long Phước		1.588	635				635			635	635	-	UBND xã Long Phước
14	Đường kênh B xã Long Phước	C	xã Long Phước			-				-			50	-	(50)	UBND xã Long Phước
15	Hẻm 1969/18 QL51 (đường cây xanh đi kênh A) xã Long Phước	C	xã Long Phước		619	50				50			50	50	-	UBND xã Long Phước
16	Đường điện hạ thế ấp 5 xã Long Phước	C	xã Long Phước		1.000	50				50			50	50	-	UBND xã Long Phước
17	Đường điện hạ thế ấp Đất mới xã Long Phước	C	xã Long Phước		1.000	50				50			50	50	-	UBND xã Long Phước
18	Đường điện hạ thế ấp Xóm Gò - Bà Kỳ xã Long Phước	C	xã Long Phước	4295 27/4/2023	3.497	1.749				1.749			50	1.749	1.699	UBND xã Long Phước
19	Đường điện hạ thế ấp Phước Hoà xã Long Phước	C	xã Long Phước		1.000	50				50			50	50	-	UBND xã Long Phước
20	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Long Phước	C	xã Long Phước		1.000	100				100			-	100	100	UBND xã Long Phước
21	Đường điện hạ thế ấp Tập Phước xã Long Phước	C	xã Long Phước		1.000	50				50			50	50	-	UBND xã Long Phước
	Công trình trên địa bàn xã Phước Thái				**8.929**	**2.190**	-		-	**2.190**	-		**750**	**2.190**	**1.440**	
	Công trình XHH				**8.929**	**2.190**	-		-	**2.190**	-		**750**	**2.190**	**1.440**	
1	Hẻm 106 Đường Lê Đình Kỳ	C	xã Phước Thái		160	50				50			50	50	-	UBND xã Phước Thái
2	Hẻm 3186 Đường Quốc lộ 51	C	xã Phước Thái		160	50				50			50	50	-	UBND xã Phước Thái
3	Hẻm 67/2/8 Đường Tân Hiệp	C	xã Phước Thái		200	50				50			50	50	-	UBND xã Phước Thái
4	Hẻm 3124/2 Đường Quốc lộ 51	C	xã Phước Thái		160	50				50			50	50	-	UBND xã Phước Thái
5	Hẻm 19 Đường Phan Văn Lượm	C	xã Phước Thái		160	50				50			50	50	-	UBND xã Phước Thái
6	Hẻm 8 Đường Phan Văn Lượm	C	xã Phước Thái		160	50				50			50	50	-	UBND xã Phước Thái
7	Hẻm 21 Đường Phan Văn Lượm	C	xã Phước Thái		192	50				50			50	50	-	UBND xã Phước Thái
8	Hẻm 3 Đường Lê Hoàng Cầu	C	xã Phước Thái		160	50				50			50	50	-	UBND xã Phước Thái
9	Đường Trần Thị Hóa	C	xã Phước Thái		200	50				50			50	50	-	UBND xã Phước Thái
10	Hẻm 39 Đường Phước Bình	C	xã Phước Thái		140	50				50			50	50	-	UBND xã Phước Thái
11	Hẻm 23 Đường Nguyễn Văn Khỏe	C	xã Phước Thái		160	50				50			50	50	-	UBND xã Phước Thái
12	Hẻm 47 đường Lê Đình Kỳ	C	xã Phước Thái		180	50				50			50	50	-	UBND xã Phước Thái
13	Mở rộng Đường Thân Văn Oanh	C	xã Phước Thái		800	50				50			50	50	-	UBND xã Phước Thái
14	Mở rộng Đường Mai Văn Quả	C	xã Phước Thái	9841 24/11/2022	4.097	1.390				1.390			50	1.390	1.340	UBND xã Phước Thái
15	Mở rộng Đường Nguyễn Văn Bé	C	xã Phước Thái		-	-									-	UBND xã Phước Thái
16	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Phước Thái	C	xã Phước Thái		1.000	100				100			-	100	100	UBND xã Phước Thái

TT	Danh mục dự án	Dự án nhóm (A, B, C)	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025							Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 2)	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 3)	Chênh lệch tăng, giảm sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
							Trong đó									
										Nguồn đất						
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách tập trung	Nguồn xổ số kiến thiết	Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho huyện (dự án mới)	Dự kiến nguồn thu tiền sử dụng đất huyện	Dự kiến nguồn khai thác đất lợi thế và đấu giá quyền sử dụng đất	Kết dư nguồn thu tiền sử dụng đất				
17	Mở rộng Đường Trương Văn Hoàng	C	xã Phước Thái		1.000	50				50			50	50	-	UBND xã Phước Thái
						-										
	Công trình trên địa bàn xã Tân Hiệp				**65.108**	**19.733**	-		-	**19.733**	-		**7.913**	**19.733**	**11.820**	
	Công trình XHH				**65.108**	**19.733**	-		-	**19.733**	-		**7.913**	**19.733**	**11.820**	
1	Đường Nguyễn Thị Mai xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp	85 14/01/2021	639	639				639			639	639	-	UBND xã Tân Hiệp
2	Đường Nguyễn Văn Công xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		-	-				-			50	-	(50)	UBND xã Tân Hiệp
3	Đường khu Láng Đề xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp	9820 23/11/2022	6.931	2.527				2.527			2.527	2.527	-	UBND xã Tân Hiệp
4	Đường khu Quảng Ngãi	C	xã Tân Hiệp		-	-				-			-	-	-	UBND xã Tân Hiệp
5	Hẻm 15 Đường liên ấp 1 - 5 xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		-	-				-			50	-	(50)	UBND xã Tân Hiệp
6	Hẻm 33/10 Đường liên ấp 1 - 5 xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		160	50				50			50	50	-	UBND xã Tân Hiệp
7	Đường ấp 4 (hẻm 331 đường Tân Hiệp; hẻm 55 đường số 1) xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp	8750 19/9/2022	1.531	601				601			601	601	-	UBND xã Tân Hiệp
8	Hẻm 33 Đường liên ấp 1 - 5 xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		-	-				-			858	-	(858)	UBND xã Tân Hiệp
9	Đường ấp 4 (hẻm 134 Đường số 1; hẻm 122 đường số 3) xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		-	-				-			50	-	(50)	UBND xã Tân Hiệp
10	Hẻm 128 Đường số 4, hẻm 84 đường số 5 xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		-	-				-			50	-	(50)	UBND xã Tân Hiệp
11	Hẻm 320 Đường số 4, hẻm 168 đường số 5 xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		200	50				50			50	50	-	UBND xã Tân Hiệp
12	Đường vào suối Tân Hiệp xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		-	-				-			50	-	(50)	UBND xã Tân Hiệp
13	Hẻm 8 đường khu Láng Đề xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		-	-				-			50	-	(50)	UBND xã Tân Hiệp
14	Hẻm 15 đường khu Quảng Ngãi , xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp	8751 19/9/2022	1.314	516				516			516	516	-	UBND xã Tân Hiệp
15	Hẻm 430 Đường Tân Hiệp xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp	118 15/01/2021	492	492				492			492	492	-	UBND xã Tân Hiệp
16	Hẻm 13/6 - hẻm 13 đường số 1 xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		-	-				-			50	-	(50)	UBND xã Tân Hiệp
17	Hẻm 31 Đường liên ấp 1 - 5 xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		-	-				-			50	-	(50)	UBND xã Tân Hiệp
18	Hẻm 31/5 Đường liên ấp 1 - 5 xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		-	-				-			50	-	(50)	UBND xã Tân Hiệp
19	Đường ấp 6 (hẻm 12 Đường số 1; hẻm 18 đường số 2) xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		160	50				50			50	50	-	UBND xã Tân Hiệp
20	Hẻm 132/8 - hẻm 132 đường Tân Hiệp xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		140	20				20			20	20	-	UBND xã Tân Hiệp
21	Hẻm 373 Đường Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		480	20				20			20	20	-	UBND xã Tân Hiệp
22	Hẻm 33/14 Đường liên ấp 1 - 5 xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		140	20				20			20	20	-	UBND xã Tân Hiệp
23	Hẻm 33/6 Đường liên ấp 1 - 5 xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		-	20				20			20	20	-	UBND xã Tân Hiệp
24	Hẻm 12/12 Đường số 9 xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		-	-				-			20	-	(20)	UBND xã Tân Hiệp
25	Hẻm 13 đường khu Quảng Ngãi xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		-	-				-			20	-	(20)	UBND xã Tân Hiệp
26	Hẻm 373/1 Đường khu Láng Đề xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		-	-				-			20	-	(20)	UBND xã Tân Hiệp

TT	Danh mục dự án	Dự án nhóm (A, B, C)	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025							Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 2)	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 3)	Chênh lệch tăng, giảm sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
							Trong đó									
										Nguồn đất						
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách tập trung	Nguồn xổ số kiến thiết	Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho huyện (dự án mới)	Dự kiến nguồn thu tiền sử dụng đất huyện	Dự kiến nguồn khai thác đất lợi thế và đấu giá quyền sử dụng đất	Kết dư nguồn thu tiền sử dụng đất				
27	Hẻm 7, hẻm 15 đường khu Láng Đề xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		-	-				-			20	-	(20)	UBND xã Tân Hiệp
28	Hẻm 432/1 Đường Tân Hiệp, Hẻm 432/2 Đường Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		200	20				20			20	20	-	UBND xã Tân Hiệp
29	Hẻm 446/1 Đường Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		160	20				20			20	20	-	UBND xã Tân Hiệp
30	Hẻm 45 Đường liên ấp 1 - 5 xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		-	-				-			20	-	(20)	UBND xã Tân Hiệp
31	Nâng cấp đường Phan Văn Long xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		1.800	20				20			20	20	-	UBND xã Tân Hiệp
32	Nâng cấp đường Trần Văn Phát xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		1.600	20				20			20	20	-	UBND xã Tân Hiệp
33	Nâng cấp đường Nguyễn Thị Mai xã Tân Hiệp (đoạn từ đường Tân Hiệp đến đường D5)	C	xã Tân Hiệp		4.263	1.537				1.537			20	1.537	1.517	UBND xã Tân Hiệp
34	Nâng cấp đường Võ Thị Nhạn xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		1.800	20				20			20	20	-	UBND xã Tân Hiệp
35	Nâng cấp đường Nguyễn Thị Nhẫn xã Tân Hiệp (từ đường D1 đến đường Phước Bình - Bàu Cạn - Cẩm Đường)	C	xã Tân Hiệp		13.832	5.088				5.088			20	5.088	5.068	UBND xã Tân Hiệp
36	Nâng cấp đường Nguyễn Văn Bình xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		1.600	20				20			20	20	-	UBND xã Tân Hiệp
37	Nâng cấp đường Đinh Phú Sĩ, xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		12.515	4.445				4.445			20	4.445	4.425	UBND xã Tân Hiệp
38	Nâng cấp đường Lê Đi xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		1.200	20				20			20	20	-	UBND xã Tân Hiệp
39	Nâng cấp Hẻm 330 đường Tân Hiệp, xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp	9971 02/12/2022	9.751	3.318				3.318			1.200	3.318	2.118	UBND xã Tân Hiệp
40	Nâng cấp đường Nguyễn Văn Công xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		1.200	50				50			50	50	-	UBND xã Tân Hiệp
41	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		1.000	100				100			-	100	100	UBND xã Tân Hiệp
42	Đường dây hạ thế sau các TBA khu trung tâm xã Tân hiệp	C	xã Tân Hiệp		2.000	50				50			50	50	-	UBND xã Tân Hiệp
	Công trình trên địa bàn xã Phước Bình				**21.609**	**5.675**	-		-	**5.675**	-		**5.575**	**5.675**	**100**	
	Công trình XHH				**21.609**	**5.675**	-		-	**5.675**	-		**5.575**	**5.675**	**100**	
1	Nâng cấp, sửa chữa đường liên ấp 4-5 xã Phước Bình	C	xã Phước Bình		1.541	50				50			50	50	-	UBND Phước Bình
2	Nâng cấp, sửa chữa hẻm 702 ấp 7 xã Phước Bình	C	xã Phước Bình		1.519	437				437			437	437	-	UBND Phước Bình
3	Nâng cấp, sửa chữa đường hẻm 2937 ấp 2 - 3, xã Phước Bình	C	xã Phước Bình		-	-				-			-	-	-	UBND Phước Bình
4	Nâng cấp, sửa chữa đường hẻm 2937 ấp 2, xã Phước Bình	C	xã Phước Bình	8753 19/9/2022	3.517	1.273				1.273			1.273	1.273	-	UBND Phước Bình
5	Nâng cấp, sửa chữa đường hẻm 305 ấp 3 xã Phước Bình		xã Phước Bình		3.600	1.440				1.440			1.440	1.440	-	UBND Phước Bình
6	Nâng cấp, sửa chữa đường hẻm 259 - ranh tỉnh Bà rịa Vũng Tàu xã Phước Bình	C	xã Phước Bình		1.000	150				150			150	150	-	UBND Phước Bình
7	Nâng cấp, sửa chữa đường hẻm 2989, xã Phước Bình	C	xã Phước Bình	8753 19/9/2022	3.286	1.154				1.154			1.154	1.154	-	UBND Phước Bình
8	Đường hẻm 164 (liên ấp 1-2), xã Phước Bình	C	xã Phước Bình		-	-				-			-	-	-	UBND Phước Bình

TT	Danh mục dự án	Dự án nhóm (A, B, C)	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025							Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 2)	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 3)	Chênh lệch tăng, giảm sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
							Trong đó									
										Nguồn đất						
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách tập trung	Nguồn xổ số kiến thiết	Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho huyện (dự án mới)	Dự kiến nguồn thu tiền sử dụng đất huyện	Dự kiến nguồn khai thác đất lợi thế và đấu giá quyền sử dụng đất	Kết dư nguồn thu tiền sử dụng đất				
9	Đường hẻm 145 tổ 3-4 ấp 3, xã Phước Bình	C	xã Phước Bình		1.000	-				-			-	-	-	UBND Phước Bình
10	Đường hẻm 5 đường liên ấp 1-3, xã Phước Bình	C	xã Phước Bình	9903 29/11/2022	1.531	571				571			571	571	-	UBND Phước Bình
11	Đường điện hạ thế hẻm 313 tổ 4+5 ấp 5 xã Phước Bình	C	xã Phước Bình		350	50				50			50	50	-	UBND Phước Bình
1	Đường hẻm tổ 12 ấp 1 (Hẻm 134) xã Phước Bình	C	xã Phước Bình		300	50				50			50	50	-	UBND Phước Bình
13	Đường hẻm tổ 10 ấp 1 xã Phước Bình (hẻm 272 đường Phước Bình)	C	xã Phước Bình		640	50				50			50	50	-	UBND Phước Bình
14	Đường tổ 11 ấp 3 xã Phước Bình (Hẻm 2937/97)	C	xã Phước Bình		340	50				50			50	50	-	UBND Phước Bình
15	Đường tổ 8 ấp 3 (Hẻm 219, đường vào nghĩa địa ấp 3) xã Phước Bình	C	xã Phước Bình		218	50				50			50	50	-	UBND Phước Bình
16	Hẻm 299 đường ranh BRVT	C	xã Phước Bình		240	50				50			50	50	-	UBND Phước Bình
17	Đường Tổ 1 ấp 4 xã Phước Bình (Hẻm 105 đường ranh BRVT)	C	xã Phước Bình		218	50				50			50	50	-	UBND Phước Bình
18	Đường tổ 3, tổ 4 ấp 3 (Hẻm 145, đường cổng NHV ấp) xã Phước Bình	C	xã Phước Bình		160	50				50			50	50	-	UBND Phước Bình
19	Đường hẻm 313 tổ 4 tổ 5 ấp 5 đấu nối tiếp xã Phước Bình	C	xã Phước Bình		189	50				50			50	50	-	UBND Phước Bình
20	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Phước Bình	C	xã Phước Bình		1.000	100				100			-	100	100	
21	Đường hẻm 386 đấu nối 2 nhánh tổ 6 và tổ 9 ấp 5 xã Phước Bình	C	xã Phước Bình		960	50				50			50	50	-	UBND Phước Bình
	Công trình trên địa bàn xã Bàu Cạn				**38.194**	**9.223**	**-**		**-**	**9.223**	**-**		**6.761**	**9.223**	**2.462**	
	Công trình XHH				**38.194**	**9.223**	**-**		**-**	**9.223**	**-**		**6.761**	**9.223**	**2.462**	
1	Hẻm 126 Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp	C	xã Bàu Cạn	9045 07/10/2022	1.429	535				535			535	535	-	UBND xã Bàu Cạn
2	Hẻm 712 Đường Bàu Cạn	C	xã Bàu Cạn		1.360	-				-			1.360	-	(1.360)	UBND xã Bàu Cạn
3	Hẻm 770 Đường Bàu Cạn	C	xã Bàu Cạn	4296 27/4/2023	3.560	1.225				1.225			1.360	1.225	(135)	UBND xã Bàu Cạn
4	Hẻm 130 Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp	C	xã Bàu Cạn	9029 07/10/2022	1.196	429				429			429	429	-	UBND xã Bàu Cạn
5	Hẻm 138 Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp	C	xã Bàu Cạn	9044 07/10/2022	1.480	531				531			531	531	-	UBND xã Bàu Cạn
6	Hẻm 447 Đường Bàu Cạn	C	xã Bàu Cạn	4294 27/4/2023	1.199	436				436			1.197	436	(761)	UBND xã Bàu Cạn
7	Hẻm 523 Đường Bàu Cạn (tổ 3 ấp 5)	C	xã Bàu Cạn		1.000	-				-			50	-	(50)	UBND xã Bàu Cạn
8	Hẻm 26 + Hẻm 540 Đường liên ấp 4,5 xã Bàu Cạn	C	xã Bàu Cạn		740	-				-			50	-	(50)	UBND xã Bàu Cạn
9	Hẻm 456 Đường Bàu Cạn	C	xã Bàu Cạn		1.382	-				-			50	-	(50)	UBND xã Bàu Cạn
10	Hẻm 749 Đường Bàu Cạn	C	xã Bàu Cạn		1.254	-				-			50	-	(50)	UBND xã Bàu Cạn
11	Hẻm 751/2 Đường Bàu Cạn	C	xã Bàu Cạn		4.591	-				-			50	-	(50)	UBND xã Bàu Cạn
12	Hẻm 139 đường Cây Cày - Suối Le, xã Bàu Cạn	C	xã Bàu Cạn	5683 25/5/2023	4.591	1.836				1.836			50	1.836	1.786	UBND xã Bàu Cạn

TT	Danh mục dự án	Dự án nhóm (A, B, C)	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025							Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 2)	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 3)	Chênh lệch tăng, giảm sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó									
							Nguồn ngân sách tập trung	Nguồn xổ số kiến thiết	Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho huyện (dự án mới)	Nguồn đất						
										Dự kiến nguồn thu tiền sử dụng đất huyện	Dự kiến nguồn khai thác đất lợi thế và đấu giá quyền sử dụng đất	Kết dư nguồn thu tiền sử dụng đất				
13	Hẻm 540 đường Bàu Cạn, xã Bàu Cạn	C	xã Bàu Cạn	9043 07/10/2022	1.835	719				719			719	719	-	UBND xã Bàu Cạn
14	Hẻm 95 đường Ngã 3 Cây Cầy - Suối le	C	xã Bàu Cạn		1.543	-				-			50	-	(50)	UBND xã Bàu Cạn
15	Hẻm 55 Đường Cây Cày đi Suối Le	C	xã Bàu Cạn		1.400	-				-			50	-	(50)	UBND xã Bàu Cạn
16	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Bàu Cạn	C	xã Bàu Cạn		1.000	100				100			-	100	100	UBND xã Bàu Cạn
17	Hẻm 16/2 đường suối Tân Hiệp, xã Bàu Cạn	C	xã Bàu Cạn		3.363	1.345				1.345			-	1.345	1.345	UBND xã Bàu Cạn
18	Hẻm 22 đường khu Láng Đế, xã Bàu Cạn	C	xã Bàu Cạn		1.834	734				734			-	734	734	UBND xã Bàu Cạn
19	Hẻm 46 Đường ngã 3 Cây Cầy - Suối Le	C	xã Bàu Cạn		3.207	1.283				1.283			-	1.283	1.283	UBND xã Bàu Cạn
20	Đường điện hạ thế tổ 3, ấp 8 xã Bàu Cạn	C	xã Bàu Cạn	121 15/01/2021	230	50				50			230	50	(180)	UBND xã Bàu Cạn
A.3.3	**NGUỒN KẾT DƯ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT**				**1.231.422**	**500.000**	-	-	-	-	-	**500.000**	-	**500.000**	**500.000**	
	Các dự án khởi công mới 2021 - 2025				**1.231.422**	**500.000**						**500.000**		**500.000**	**500.000**	
	Công trình Văn hóa - Trụ sở				**93.930**	**93.930**						**93.930**		**93.930**	**93.930**	
1	Xây dựng nhà Văn hóa ấp 2 xã An Phước	C	xã An Phước		7.737	7.737						7.737	-	7.737	7.737	UBND xã An Phước
2	Xây dựng nhà Văn hóa ấp 6 xã An Phước	C	xã An Phước		7.737	7.737						7.737	-	7.737	7.737	UBND xã An Phước
3	Xây dựng nhà Văn hóa ấp 8 xã An Phước	C	xã An Phước		8.850	8.850						8.850	-	8.850	8.850	UBND xã An Phước
4	Xây dựng nhà Văn hóa khu Phước Hải	C	Thị Trấn Long Thành		12.777	12.777						12.777	-	12.777	12.777	UBND thị trấn LT
5	Xây dựng nhà Văn hóa khu Văn Hải	C	Thị Trấn Long Thành		14.900	14.900						14.900	-	14.900	14.900	UBND thị trấn LT
6	Xây dựng Nhà văn hóa ấp Thanh Bình xã Lộc An	C	xã Lộc An		7.451	7.451						7.451	-	7.451	7.451	UBND xã Lộc An
7	Xây dựng Nhà văn hóa ấp Bưng Cơ xã Lộc An	C	xã Lộc An		8.747	8.747						8.747	-	8.747	8.747	UBND xã Lộc An
8	Xây dựng Nhà văn hóa ấp 4 xã Long An	C	xã Long An		8.000	8.000						8.000	-	8.000	8.000	UBND xã Long An
9	Xây dựng Nhà văn hóa khu 14 xã Long Đức	C	xã Long Đức		8.500	8.500						8.500	-	8.500	8.500	UBND xã Long Đức
10	Xây dựng Nhà văn hóa khu 15 xã Long Đức	C	xã Long Đức		8.500	8.500						8.500	-	8.500	8.500	UBND xã Long Đức
11	Xây dựng mới hàng rào Nhà văn hóa dân tộc Chơ ro xã Phước Bình	C	xã Phước Bình		731	731						731	-	731	731	UBND xã Phước Bình
	Công trình giao thông, hạ tầng				**1.137.492**	**406.070**						**406.070**	-	**406.070**	**406.070**	
1	Nâng cấp mở rộng đường Lê Duẩn (Quốc lộ 51A) huyện Long Thành	B	Thị trấn Long Thành	512 08/02/2021	1.027.000	295.578						295.578	-	295.578	295.578	Ban QLDA
2	Hệ thống đèn chiếu sáng Đường Ngã ba Cây Cày - Suối Le xã Bàu Cạn	C	xã Bàu Cạn		7.245	7.245						7.245	-	7.245	7.245	Phòng QLĐT
3	Hệ thống đèn chiếu sáng Đường Bàu Cạn - Suối Trầu	C	xã Bàu Cạn		6.343	6.343						6.343	-	6.343	6.343	Phòng QLĐT
4	Hệ thống đèn chiếu sáng Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường	C	xã Bàu Cạn		13.545	13.545						13.545	-	13.545	13.545	Phòng QLĐT

TT	Danh mục dự án	Dự án nhóm (A, B, C)	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025							Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 2)	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 3)	Chênh lệch tăng, giảm sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
							Trong đó									
										Nguồn đất						
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách tập trung	Nguồn xổ số kiến thiết	Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho huyện (dự án mới)	Dự kiến nguồn thu tiền sử dụng đất huyện	Dự kiến nguồn khai thác đất lợi thế và đấu giá quyền sử dụng đất	Kết dư nguồn thu tiền sử dụng đất				
5	Hệ thống chiếu sáng đường Cầu Mèn (đoạn từ ĐT 769 đến Hương lộ 10)	C	xã Cẩm Đường		12.827	12.827						12.827	-	12.827	12.827	Phòng QLĐT
6	Hệ thống đèn chiếu sáng Đường Sa Cà xã Bình An	C	xã Bình An		5.176	5.176						5.176	-	5.176	5.176	Phòng QLĐT
7	Hệ thống đèn chiếu sáng Đường Phước Bình (đoạn từ khu dân tộc Chơ ro đến cuối tuyến)	C	xã Phước Bình		8.613	8.613						8.613	-	8.613	8.613	Phòng QLĐT
8	Bổ sung hệ thống thoát nước trên địa bàn xã Long Đức	C	xã Long Đức		12.000	12.000						12.000	-	12.000	12.000	UBND xã Long Đức
9	Mương thoát nước ấp An Viễng xã Bình An	C	xã Bình An		5.484	5.484						5.484	-	5.484	5.484	UBND xã Bình An
10	Xây dựng mương thoát nước đường Thanh Bình xã Lộc An	C	xã Lộc An		8.289	8.289						8.289	-	8.289	8.289	UBND xã Lộc An
11	Xây dựng mương thoát nước đường Bình Lâm - Thanh Bình xã Lộc An	C	xã Lộc An		6.862	6.862						6.862	-	6.862	6.862	UBND xã Lộc An
12	Xây dựng mương thoát nước đường Bưng Cơ xã Lộc An	C	xã Lộc An		12.766	12.766						12.766	-	12.766	12.766	UBND xã Lộc An
13	Sửa chữa đường và mương thoát nước các tuyến đường ấp 1 xã Tam An	C	xã Tam An		5.461	5.461						5.461	-	5.461	5.461	UBND xã Tam An
14	Sửa chữa đường và mương thoát nước các tuyến đường ấp 2 xã Tam An	C	xã Tam An		3.289	3.289						3.289	-	3.289	3.289	UBND xã Tam An
15	Sửa chữa đường và mương thoát nước các tuyến đường ấp 3, ấp 5 xã Tam An	C	xã Tam An		2.592	2.592						2.592	-	2.592	2.592	UBND xã Tam An
A.3.4	**CÁC CÔNG TRÌNH CÓ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ LỚN DỰ KIẾN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN KHÁC (NGUỒN KHAI THÁC QUỸ ĐẤT LỢI THẾ VÀ NGUỒN ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI ĐỊA PHƯƠNG)**				18.576.459	6.146.917	-	-		187.127	5.959.790		6.341.034	6.146.917	(194.117)	
1	Đường Trần Phú (đường N7) đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường tỉnh ĐT 771 huyện Long Thành	B	Thị Trấn Long Thành	9177 17/10/2022	1.352.000	*10.000*					10.000		10.000	10.000	-	Ban QLDA
2	Nâng cấp đường Hương lộ 21	B	xã An Phước-Tam An		511.166	*460.000*				1.000	459.000		460.000	460.000	-	Ban QLDA
3	Đường Nguyễn Du	B	Thị Trấn Long Thành		1.256.480	*120.000*				1.000	119.000		120.000	120.000	-	Ban QLDA
4	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đoạn từ đường Trần Phú đến đường 25A)	B	Thị Trấn Long Thành		1.315.888	*800.000*				1.000	799.000		800.000	800.000	-	Ban QLDA
5	Đường Chu Văn An ra Phạm Văn Đồng và đoạn từ TTVH.TT huyện ra hẻm 224 xã An Phước.	B	TT. Long Thành		85.000	*32.756*				1.000	31.756		32.756	32.756	-	Ban QLDA
6	Đường Nguyễn Hữu Cảnh (Đoạn từ Võ Thị Sáu đến Vũ Hồng Phô) thị trấn Long Thành.	B	xã Long Đức		105.558	*58.204*				1.000	57.204		58.204	58.204	-	Ban QLDA
7	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ Võ Thị Sáu đến đường Vũ Hồng Phô) xã Long Đức	C	xã Long Đức	6570 02/11/2020	78.355	*79.355*				1.000	78.355		79.355	79.355	-	Ban QLDA
8	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ Hai Bà Trưng đến chợ Long Thành) Thị trấn Long Thành	C	*Thị trấn Long Thành*		110.000	*110.000*				1.000	109.000		110.000	110.000	-	Ban QLDA

TT	Danh mục dự án	Dự án nhóm (A, B, C)	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025							Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 2)	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung (đợt 3)	Chênh lệch tăng, giảm sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
							Trong đó									
										Nguồn đất						
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách tập trung	Nguồn xổ số kiến thiết	Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho huyện (dự án mới)	Dự kiến nguồn thu tiền sử dụng đất huyện	Dự kiến nguồn khai thác đất lợi thế và đấu giá quyền sử dụng đất	Kết dư nguồn thu tiền sử dụng đất				
9	Nâng cấp mở rộng đường Lê Duẩn (Quốc lộ 51A) huyện Long Thành	B	*Thị trấn Long Thành*	*512 08-02-2021*	*1.027.000*	*832.308*				1.000	831.308		878.000	832.308	(45.692)	*Ban QLDA*
10	Đường Tân Hiệp	B	xã Tân Hiệp		496.000	*497.000*				1.000	496.000		497.000	497.000	-	Ban QLDA
11	Đường Bàu Cạn	B	xã Bàu Cạn		671.000	*672.000*				1.000	671.000		672.000	672.000	-	Ban QLDA
12	Hạ tầng Khu tái định cư tại thị trấn Long Thành (47,0137ha)	A	Thị trấn Long Thành		1.649.000	*1.650.000*				1.000	1.649.000		1.650.000	1.650.000	-	Ban QLDA
13	Khu Tái định cư xã Tân Hiệp (giai đoạn 2) 20ha	B	xã Tân Hiệp		*130.000*	*31.000*				*1.000*	30.000		100.000	31.000	(69.000)	*Ban QLDA*
14	Khu Tái Định cư Long Đức (35,5ha)	*B*	xã Long Đức		*305.675*	*103.675*				*1.000*	102.675		183.100	103.675	(79.425)	*Ban QLDA*
15	Hạ tầng khu Tái định cư tại xã Long Đức, huyện Long Thành	*B*	xã Long Đức	*5799 22/6/2022*	*288.476*	*193.986*				*82.000*	111.986		193.986	193.986	-	*Ban QLDA*
16	Hạ tầng khu Tái định cư tại xã Long Phước, huyện Long Thành	*B*	xã Long Phước	*5999 9/6/2023*	364.722	*184.000*				*90.127*	93.873		184.000	184.000	-	Ban QLDA
17	Đường Long Đức - Lộc An	B	xã Long Đức		321.925	*291.633*				1.000	290.633		291.633	291.633	-	Ban QLDA
18	Khu Công viên vào Sân Bay Quốc tế Long Thành xã Lộc An	B	xã Lộc An		20.000	*21.000*				1.000	20.000		21.000	21.000	-	Ban QLDA
A.4	**NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH**				**421.219**	**80.398**	-	-	**80.398**	-	-		**80.398**	**80.398**	-	
1	Trường TH Long Thành C, xã Long Đức	C	xã Long Đức	158 14/01/2022	71.219	49.106			49.106				49.106	49.106	-	Ban QLDA
2	Đường Long Đức - Lộc An	B	xã Long Đức		350.000	31.292			31.292				31.292	31.292	-	Ban QLDA